

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 07 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư trung hạn
nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 6
(GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 5756/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025 trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 6 (giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ngành: KH&ĐT, TC, Tư pháp, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến



Phụ lục I

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
	Tổng							2.809.671	2.466.713	285.486	1.297.703	1.000.000	255.570	157.820	586.610	
I	Huyện Chợ Lách							14.553	8.414		8.414	7.920		4.930	2.990	
1	Đường từ Hai Mạn đến Năm Tôm (ĐA.05), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp B	2021-2022	113/QĐ-UBND, 01/10/2020	1.975	1.383		1.383	1.383		1.000	383	
2	Đường từ Bảy Ô đến Hai Mạn (ĐC.11), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp C	2021-2022	115/QĐ-UBND, 01/10/2020	668	200		200	200		180	20	
3	Đường từ Bảy Góc đến Tư Cù Lự (ĐC.17), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp C	2021-2022	114/QĐ-UBND, 01/10/2020	1.000	300		300	300		250	50	
4	Đường từ Dự án 18 đến Đồng Lớn (ĐA.13), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp B	2021-2023	177/QĐ-UBND, 28/10/2020	3.970	2.779		2.779	2.779		1.500	1.279	
5	Đường từ Dự án 18 đến Bến Đáy (ĐA.08), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp B	2021-2022	176/QĐ-UBND, 28/10/2020	1.550	1.085		1.085	1.085		1.000	85	
6	Đường từ Bảy Chỉ đến Bảy Bụng (ĐC.04), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp C	2021-2023	175/QĐ-UBND, 28/10/2020	3.890	1.167		1.167	1.167		1.000	167	
7	Trường Tiểu học Hòa Nghĩa A, xã Hòa Nghĩa	C	UBND huyện Chợ Lách	xã Hòa Nghĩa	01 phòng học và hạng mục phụ	2024-2026		1.500	1.500		1.500	1.006		0	1.006	
II	Huyện Mộ Cày Bắc							258.793	217.026	34.929	128.929	115.632	25.933	16.200	73.499	
1	Đường ĐA.01 (Đường ấp Hòa Thuận II), xã Hoà Lộc	C	UBND xã Hoà Lộc	xã Hoà Lộc	Cấp B	2020-2021	193/QĐ-UBND, 31/12/2019	4.386	3.070	2.300	750	750	750			hoàn thành
2	Đường ĐA.02 (Đường Tập đoàn), xã Hoà Lộc	C	UBND xã Hoà Lộc	xã Hoà Lộc	Cấp B	2020-2021	194/QĐ-UBND, 31/12/2019	4.681	3.277	2.400	870	870	870			hoàn thành
3	Đường ĐA.01 (Liên ấp Tân Hưng - Tân Lợi), xã Khánh Thạnh Tân	C	UBND xã Khánh Thạnh Tân	xã Khánh Thạnh Tân	Cấp C	2020-2021	248/QĐ-UBND, 31/12/2019	2.261	1.583	1.500	32	32	32			hoàn thành
4	Đường ĐA.04 (đoạn từ Cổng Cầu Vong đến cầu Kênh Lộ Thầy Phó), Hưng Khánh Trung A	C	UBND xã Hưng Khánh Trung A	xã Hưng Khánh Trung A	Cấp B	2020-2022	200/QĐ-UBND, 25/11/2019	3.829	2.680	1.904	770	770	770			hoàn thành
5	Đường B3 (Đoạn từ Nguyễn Văn Hai đến Ba Thành), ấp Giồng Đắc, xã Nhuận Phú Tân	C	UBND xã Nhuận Phú Tân	xã Nhuận Phú Tân	Cấp B	2020-2021	33/QĐ-UBND, 07/4/2020	3.538	2.477	1.900	570	570	570			hoàn thành



STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
6	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã; sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình		2020-2022	191/QĐ-SXD, 31/10/2019; 336/QĐ-SXD, 20/8/2020	7.168	5.734	3.857	1.517	1.517	1.517		hoàn thành
7	Sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A		2020-2022	190/QĐ-SXD, 31/10/2019; 279/QĐ-SXD, 30/6/2020	4.700	3.760	3.000	581	581	581		hoàn thành
8	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ QL.57 đến giáp xã Hòa Lộc), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp A	2020-2022	441/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.610	6.849	4.068	2.203	2.203	2.203		hoàn thành
9	Đường ĐX.05 (đoạn từ Huyện lộ 19 đến Cầu số 12), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp B	2020-2022	438/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.643	6.879	3.500	2.090	2.090	2.090		hoàn thành
10	Đường ĐA.05 (đoạn từ đường ĐX.01 đến cầu cống huyện lộ 19), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp B	2020-2022	442/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	9.474	6.632	3.500	2.354	2.354	2.354		hoàn thành
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.05 (đoạn từ QL.57 đến HL.41), Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A	cấp A	2020-2022	440/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	6.072	5.465	3.000	1.527	1.527	1.527		hoàn thành
12	Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐH.39 đến giáp xã Tân Thanh Tây), Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A	cấp B	2020-2022	439/QĐ-SGTVT, 28/10/2019; 159/QĐ-SGTVT, 13/4/2020	5.983	5.385	4.000	491	491	491		hoàn thành
13	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (đoạn từ ĐH.41 đến giáp lộ bờ Dừa), xã Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Hưng Khánh Trung A		2020-2022	633/QĐ-SGTVT, 11/11/2020	981	883		722	722	722		hoàn thành
14	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.02 (đoạn từ ĐH.19 đến ĐH.18; đoạn từ Trụ sở ấp Giồng giữa đến ĐH.19), xã Nhuận Phú Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Nhuận Phú Tân		2020-2022	666/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.263	1.137		1.026	1.026	1.026		hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, biển báo trên Đường ĐX.03 (Đoạn từ ĐH.21 đến nhà ông Trương Văn Cúa), xã Nhuận Phú Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Nhuận Phú Tân		2020-2022	669/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.790	2.511		2.316	2.316	2.316		hoàn thành
16	Hạng mục cống, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.02 (Đoạn từ Trường Tiểu học Thanh Tân 1 đến nhà ông Lê Minh Hoàng), xã Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Thanh Tân		2020-2022	667/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	447	402		363	363	363		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (đoạn từ nhà ông Ba Phát đến công chầu áp Đông An), xã Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Hòa Lộc		2020-2022	664/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	4.630	4.167		4.167	4.106	1.991	1.735	380	hoàn thành
18	Hạng mục công, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.06 (Cầu Chùa Gia Hưng - công Đình Tân Ngãi đi Tân Phú Tây), xã Thanh Ngãi	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Thanh Ngãi		2020-2022	668/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	806	725		656	656	656			hoàn thành
19	Hạng mục cầu, công, cọc tiêu trên ĐX.05, xã Khánh Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Khánh Thanh Tân		2020-2022	663/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.817	1.635		1.635	1.477	1.131	346		hoàn thành
20	Hạng mục cầu, công, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.04 (Đoạn từ QL.57 - xã Tân Hội), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Tân Bình		2020-2022	662/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	4.666	4.199		4.199	3.827	1.873	1.799	155	
21	Hạng mục công, cọc tiêu, biển báo trên đường (ĐX.06) đoạn từ ngã tư UBND xã đến ngã ba Giác Minh, xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Phú Mỹ		2020-2022	665/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	3.993	3.594		3.594	3.304	300	1.954	1.050	
22	Hạng mục cầu, công, cọc tiêu và biển báo trên đường liên xã Phước Mỹ trung - Tân Phú Tây (ĐX.04) từ ĐH.HK.38 đến giáp xã Tân Phú Tây	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	Xã Phước Mỹ Trung		2020-2022	639/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	2.473	2.226		2.226	1.958	1.800	158		hoàn thành
23	Xây dựng trụ sở UBND xã, hội trường văn hóa đa năng xã Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	xã Hòa Lộc		2022-2024	3097/QĐ-UBND, 26/11/2020	20.000	16.000		16.000	16.000		2.500	13.500	
24	Sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Tân và xây mới hội trường đa năng xã	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	xã Thanh Tân		2021-2023	427/QĐ-SXD, 13/11/2020, 184/QĐ-SXD, 22/7/2022	5.600	4.480		4.480	4.480		500	3.980	
25	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngãi, huyện Mỏ Cây Bắc	C	UBND huyện MCB	xã Thanh Ngãi	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Thanh Ngãi	2022-2024	206/QĐ-SXD, 06/12/2021	4.500	3.150		3.150	3.150			3.150	
26	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và Hội trường đa năng xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cây Bắc	C	UBND huyện MCB	xã Phước Mỹ Trung	Trụ sở UBND xã và Hội trường đa năng xã	2021-2023	205/QĐ-SXD, 06/12/2021	15.000	10.500		10.500	10.500			10.500	
27	Trường Trung học cơ sở Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	xã Hoà Lộc	21PCN, cải tạo dãy 10 PH, cải tạo 04 PH thành 02 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1753/QĐ-UBND, 23/7/2021	21.590	21.590		21.590	21.590		2.000	19.590	
28	Trường Tiểu học Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cây Bắc	xã Thanh Tân	10 PH, 2 PCN, HMP, thiết bị, thu hồi khoảng 2000m2	2021-2023	428/QĐ-SXD, 13/11/2020	14.000	14.000		14.000	14.000		5.208	8.792	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
29	Trường TH Thạnh Ngãi 1		UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Thạnh Ngãi	xây dựng mới 6 PCN, sửa chữa các PH và PCN hiện hữu, HMP, thiết bị	2025-2027	208/QĐ-SXD, 6/12/2021	7.400	7.400		2.000	700			700	
30	Trường TH Khánh Thạnh Tân 2		UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Khánh Thạnh Tân	xây dựng mới 10PCN, sửa chữa các PH và PCN hiện hữu, HMP, thiết bị	2025-2027		7.000	7.000		2.000	600			600	
31	Trung tâm hành chính xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Phú Mỹ	Sửa chữa Trụ sở UBND xã; xây dựng HT văn hóa và các phòng chức năng; cải tạo HT cũ thành nhà CA xã Phú Mỹ	2024-2026		6.500	4.550		4.550	2.000			2.000	
32	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.02 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Thạnh Ngãi và nhánh rẽ đến ngã 3 Địa Dứa), xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Phú Mỹ	Cấp A	2024-2026		13.918	11.134		3.000	2.000			2000	
33	Trung tâm hành chính xã Khánh Thạnh Tân	C	UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Khánh Thạnh Tân		2024-2026		13.074	9.152		5.000	2.000			2.000	
34	Đường ĐX.01 (đoạn từ đường ĐH.21 - ĐH.18, xã Nhuận Phú Tân		UBND huyện Mô Cây Bắc	xã Nhuận Phú Tân	Cấp A	2024-2026		31.000	24.800		6.000	4.402			4.402	
35	Trường Trung học Phổ thông Ngô Văn Cẩn		UBND huyện Mô Cây Bắc	huyện Mô Cây Bắc		2025-2027		8.000	8.000		2.000	700			700	
III	Huyện Mô Cây Nam							411.348	263.124	63.001	152.398	132.264	67.531	34.860	29.873	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, mở rộng Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức		2020-2022	201/QĐ-SXD, 31/10/2019; 234/QĐ-SXD 25/5/2020	6.285	5.028	3.000	1.763	1.763	1.763			hoàn thành
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp		2020-2022	202/QĐ-SXD, 31/10/2019	6.000	4.800	3.000	1.700	1.700	1.700			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.01 (đoạn từ ranh xã Hương Mỹ đến đất ông Nguyễn Văn Ân (sông Hàm Luông) và 01 nhánh rẽ nối xã Phú Khánh và 01 nhánh rẽ nối chùa Tuyên Linh), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	469/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	14.950	13.455	4.000	8.452	8.452	6.952	1.500	hoàn thành	
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.02 (đoạn từ Quốc lộ 57 đến Đường ĐX.03), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp A	2020-2022	464/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	13.605	12.245	5.559	5.018	5.018	4.970	48	hoàn thành	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.03 (đoạn từ Cầu Vĩ đến giáp Đường ĐX.01), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp A	2020-2022	467/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.540	4.986	3.000	1.986	1.980	1.800	180	hoàn thành	
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.01 (đoạn từ Cầu Vĩ đến Quốc lộ 57), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	461/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.822	7.575	3.500	4.075	4.070	3.000	1.070	hoàn thành	
7	Đường ĐA.02 (đoạn từ ĐX.01 đến giáp ranh xã Phú Khánh), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	455/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.446	4.512	3.000	1.280	1.280	1.280		hoàn thành	
8	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.03 (đoạn từ Đường ĐX.03 đến đê sông Hàm Luông), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	473/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	8.148	5.704	3.500	2.200	2.200	2.200		hoàn thành	
9	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.04 (đoạn từ đê bao sông Hàm Luông đến cầu Dương Văn Đờ), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	458/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.043	3.530	3.000	450	450	450		hoàn thành	
10	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.09 (đoạn từ ranh xã Hương Mỹ đến giáp ĐX.03), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	471/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.105	4.274	3.000	1.200	1.200	1.200		hoàn thành	
11	Đường ĐX.02 (đoạn từ cầu Chợ xã đến cầu Phước Đa), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp A	2020-2022	459/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.800	9.720	4.500	5.220	4.510	3.030	1.480	hoàn thành	
12	Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐX.02 đến cầu Bình Phước), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	462/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.962	5.366	3.000	1.869	1.869	1.869		hoàn thành	
13	Đường ĐX.04 (đoạn từ ĐX.02 đến giáp thị trấn Mô Cây), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	456/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	12.821	11.539	4.000	7.539	6.078	4.000	2.078	hoàn thành	
14	Đường ĐX.05 (đoạn từ HL.22 đến ranh xã Bình Khánh Đông), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	468/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.814	6.133	2.000	3.273	3.273	3.273		hoàn thành	
15	Đường ĐX.06 (giai đoạn 1 đoạn từ ĐH.22 đến đường ĐA.01), xã Phước Hiệp, huyện Mô Cây Nam	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	474/QĐ-SGTVT, 31/10/2019	6.497	5.847	2.500	3.347	3.340	3.000	340	hoàn thành	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
16	Đường ĐA.02 (đoạn từ ĐX.01 đến giáp xã Định Thủy), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	470/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.400	3.780	3.000	698	698	698		hoàn thành
17	Đường ĐA.04 (đoạn từ HL.22 đến giáp xã Định Thủy), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	465/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	7.332	5.132	2.843	2.289	2.228	1.948	280	hoàn thành
18	Đường ĐA.10 (đoạn từ Đường ĐX.03 đến Đường ĐC.08), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	472/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	7.233	5.063	2.750	2.200	2.200	2.200		hoàn thành
19	Đường ĐX 02 (Từ Quốc lộ 60 đến ranh xã Thành Thới A), xã Thành Thới B	C	UBND xã Thành Thới B	Xã Thành Thới B	Cấp B	2020-2021	124/QĐ-UBND, 13/4/2020	4.941	4.941	3.849	1.000	1.000	1.000		hoàn thành
20	Hạng mục cầu Bình Phú, xã Cẩm Sơn	C	UBND huyện Mô Cây Nam	Xã Cẩm Sơn		2020-2022	681/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.689	2.420		2.420	2.210	1.500	710	hoàn thành
21	Xây dựng cầu Ông Tùng trên đường ĐX.01, xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	682/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.300	2.070		2.070	1.951	1.700	251	hoàn thành
22	Đường ĐX.02 (liên xã Bình Khánh - An Định, đoạn từ đường ĐX.01 xã Bình Khánh đến Chợ Cái Quao xã An Định)	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	672/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	13.964	12.568		12.568	6.998	3.998	3.000	
23	Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐH.22 đến nhà chú Sáu Thao), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	673/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.800	5.220		5.220	4.150	2.500	1.650	
24	Đường ĐX.07 (đoạn từ Đường ĐX.06 đến Đường Đê), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	674/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	8.231	7.408		5.972	4.500	2.500	2.000	
25	Đường ĐX.08 (đoạn từ Đường ĐX.01 đến cầu Chùa), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	675/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.930	5.337		5.337	5.300	2.500	2.800	hoàn thành
26	Đường ĐA.02 (đoạn từ nhà Ông Huỳnh đến Đường ĐX.01), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh	cấp B	2021-2023	676/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	7.054	4.938		4.938	4.893	2.000	2.893	hoàn thành
27	Xây mới Hội trường đa năng xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	437/QĐ-SXD, 11/11/2020	5.100	4.080		4.080	4.080	2.000	2.080	hoàn thành
28	Xây mới Trụ sở UBND xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	435/QĐ-SXD, 11/11/2020	9.756	7.805		7.805	7.805	2.500	2.000	3.305
29	Xây mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Hương Mỹ		2022-2024	434/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.311	8.101		7.449	7.449		2.000	5.449
30	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngãi Đăng	C	UBND huyện Mô Cây Nam	xã Ngãi Đăng		2022-2024	495/QĐ-SXD, 31/12/2020	5.207	4.166		4.166	4.166		1.500	2.666

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
31	Khu hành chính xã An Định	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã An Định		2022-2024	176/QĐ-SXD 14/10/2021	14.000	11.200		11.200	7.000		2.000	5.000	
32	Xây dựng cầu Cây Dương trên đường ĐX.02, xã Cẩm Sơn	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Cẩm Sơn		2021-2023	469/QĐ-SGTVT, 08/9/2021	10.201	9.181		9.181	8.453		2.000	6.453	
33	Xây dựng Đường ĐA.02 (đoạn từ Kênh áp Phú Hữu đến Đường ĐA.04), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2022	181/QĐ-UBND, 14/10/2020	2.192	1.534		1.534	1.000		1.000		
34	Xây dựng Đường ĐA.07 (đoạn từ ĐA.09 đến giáp ranh xã Hương Mỹ), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2022	182/QĐ-UBND, 14/10/2020	2.094	1.466		1.466	1.000		1.000		
35	Xây dựng Đường ĐA.10 (đoạn từ QL.57 đến ĐX.01), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2023	183/QĐ-UBND, 14/10/2020	3.476	2.433		2.433	2.000		1.000	1.000	
36	Trung tâm hành chính xã Tân Hội	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Tân Hội	Sơn sửa trụ sở UBND xã; cải tạo nâng cấp Nhà văn hóa xã	2024-2026		3.100	2.170		1.000	1.000			1.000	
37	Trung tâm hành chính xã Thành Thới B	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới B	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		6.000	4.200		1.000	1.000			1.000	
38	Trung tâm hành chính xã Thành Thới A	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới A	Xây mới Trụ sở UBND xã	2024-2026		10.000	7.000		1.000	1.000			1.000	
39	Trung tâm hành chính xã Đa Phước Hội	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	Xây mới Trụ sở UBND xã	2024-2026		10.000	7.000		1.000	1.000			1.000	
40	Trường Mẫu giáo Thành Thới B	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới B	Xây dựng 12 PH, 13 PCN, HMP, thiết bị. Thu hồi khoảng 4.100m ² đất	2025-2027		29.199	29.199		1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
41	Trường TH Thành Thới B		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới B	Xây dựng 17 PH, 08 PCN; cải tạo 04 PHc và 06 PCN thành 12 PCN; HMP và thiết bị	2025-2027		24.500			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
42	Trường MG Thành Thới A		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới A	Xây dựng mới 14 PH, 14 PCN, các HMP và thiết bị. Thu hồi khoảng 5.135m ² đất	2025-2027		39.000			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
43	Trường MG Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cây Nam	xã Đa Phước Hội	Xây mới 03 PH, 01 PCN; HMP và thiết bị; thu hồi khoảng 1.200m ² đất	2025-2027		10.500			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
44	Trường TH Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cây Nam	xã Đa Phước Hội	Xây dựng 01PH, 16 PCN; sửa 11 PH, 03PCN; HMP và thiết bị	2025-2027		21.000			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
IV	Huyện Thạnh Phú							350.597	310.622	31.244	180.834	178.992	17.053	14.120	147.819	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.01 (Lộ Chùa - Bình Khánh - Phú Long Phụng - Minh Đức), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp A	2020-2022	2290/QĐ-UBND, 18/10/2019	20.488	18.439	6.000	10.650	10.650	6.000	4.650		hoàn thành
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Giao Thạnh		2020-2022	182/QĐ-SXD, 28/10/2019	7.717	6.174	4.000	1.682	1.682	1.682			hoàn thành
3	Trụ sở UBND xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh		2020-2022	188/QĐ-SXD, 30/10/2019	7.200	5.760	5.000	536	536	536			hoàn thành
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.02 (Phú Hòa - Minh Đức), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp A	2020-2022	404/QĐ-SGTVT, 15/10/2019	10.957	9.861	5.688	3.354	3.354	3.354			hoàn thành
5	Đường ĐA.04 Đường lộ Cầu Tàu bờ tây (đoạn Cầu Phú Hòa đến giáp xã Đại Điền), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp B	2020-2022	400/QĐ-SGTVT, 9/10/2019	6.885	4.820	3.522	1.200	1.200	1.200			hoàn thành
6	Đường ĐA.03, xã An Thạnh	C	UBND xã An Thạnh	xã An Thạnh	Cấp B	2020-2021	08/QĐ-UBND, 13/01/2020	3.200	2.240	1.800	410	410	410			hoàn thành
7	Đường ĐA.09 (liên ấp Quý An Hoà - Quý Bình), xã Hoà Lợi	C	UBND xã Hoà Lợi	xã Hoà Lợi	Cấp C	2020-2021	01/QĐ-UBND, 08/01/2020	3.500	2.450	1.900	520	520	520			hoàn thành
8	Đường A2 (Đoạn 2, từ chân cầu Bùng Bình đến nhà ông Trần Văn Nhân), xã Thạnh Hải	C	UBND xã Thạnh Hải	xã Thạnh Hải	Cấp C	2020-2021	05/QĐ-UBND, 09/01/2020	3.800	2.660	2.000	111	111	111			hoàn thành
9	Đường ĐA.08, xã Mỹ An	C	UBND xã Mỹ An	xã Mỹ An	Cấp B	2020-2021	22/QĐ-UBND, 25/3/2020	2.967	2.077	1.334	740	740	740			hoàn thành
10	Hạng mục cầu, cống trên đường ĐX.04, xã Tân Phong	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Tân Phong		2020-2022	642/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	4.704	4.234		3.900	3.900	2.500	1.400		hoàn thành
11	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong		2022-2024	443/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.500	7.600		7.600	7.600		1.500	6.100	
12	Xây dựng Trụ sở UBND xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Thạnh Phong		2022-2024	441/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.500	7.600		7.600	7.600		1.500	6.100	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
13	Đường ĐA.01 (ấp Xương Thạnh B), xã Thới Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Thới Thạnh	cấp C	2021-2023	394/QĐ-SGTVT, 28/7/2021	7.500	5.250		5.250	5.250	1.820	3.430	
14	Đường ĐC.09 (ấp Xương Thới I) giai đoạn 2, xã Thới Thạnh	C	UBND xã Thới Thạnh	xã Thới Thạnh	cấp C	2021-2022	58/QĐ-UBND, 11/12/2020	2.783	835		835	835	800	35	
15	Sửa chữa, nâng cấp Đường Quý Khương Cảnh Giữa (ĐA.02), xã Quới Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Quới Điền	cấp B	2021-2023	395/QĐ-SGTVT, 28/7/2021	7.581	5.307		5.307	5.307	1.550	3.757	
16	Đường Quý Khương Cảnh Dưới (ĐC.02), xã Quới Điền	C	UBND xã Quới Điền	xã Quới Điền	cấp C	2021-2022	176/QĐ-UBND, 19/11/2020	2.173	652		652	652	500	152	
17	Đường Chín Thông (ĐC.06), xã Quới Điền	C	UBND xã Quới Điền	xã Quới Điền	cấp C	2021-2022	177/QĐ-UBND, 19/11/2020	1.389	417		417	417	400	17	
18	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi	Sửa chữa trụ sở UBND xã	2023-2025	140/QĐ-SXD, 30/5/2022	2.900	2.030		2.030	2.030		2.030	
19	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành Nhà văn hóa xã và xây dựng các phòng chức năng, xã Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi		2023-2025		2.143	1.500		1.500	1.500		1.500	
20	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh		2023-2024	56/QĐ-SXD, 08/3/2022	3.000	2.100		2.100	2.100		2.100	
21	Trung tâm hành chính xã An Thuận	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Thuận	Sửa chữa trụ sở UBND xã	2023-2025		1.200	840		840	840		840	
22	Mở rộng mạng lưới cấp nước của nhà máy nước Thạnh Phú trên địa bàn các xã An Qui, Mỹ An, An Điền, và Thạnh Hải. huyện Thạnh Phú	C	Trung tâm NS&VSMTNT	xã An Qui, Mỹ An, Thạnh Hải và An Điền	tuyến ống khoảng hơn 40 km	2023-2025		10.410	9.369		9.300	9.300		9.300	
23	Mở rộng tuyến ống nước từ NMN Thạnh Phú để cấp nước cho 02 xã Bình Thạnh và xã An Thuận, huyện Thạnh Phú	C	Trung tâm NS&VSMTNT	Bình Thạnh và xã An Thuận	tuyến ống khoảng 26,65 km	2022-2024	218/QĐ-SXD, 17/12/2021	5.900	5.310		5.300	5.300		5.300	
24	Trường Mầm non Bình Thạnh	C	Ban Quản lý DA ĐTXD các CT DD&CN	Xã Bình Thạnh	Xây dựng 10 PH, 07 PCN; sửa chữa 6 PH thành 6 PCN, HMP và thiết bị.	2023-2025		25.000	25.000		25.000	25.000		25.000	
25	Trường THCS An Thuận	C	Ban Quản lý DA ĐTXD các CT DD&CN	Xã An Thuận	Xây mới 9 PH, 9 PCN, HMP và thiết bị; cải tạo 14 PH cũ thành 14 PCN	2023-2025		21.000	21.000		21.000	21.000		21.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
26	Trường Mầm non Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi	Xây dựng 10 PH, 13 PCN, HMP và thiết bị.	2024-2026		27.000	27.000		10.000	10.000			10.000	
27	Trường Mầm non Mỹ An	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ An	Xây dựng mới 5 PH và 12 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		15.000	15.000		5.000	5.000			5.000	
28	Trường THCS An Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã An Thạnh	Xây dựng 5 PH và sửa chữa 14 PH cũ thành 14 PCN	2024-2026		15.000	11.000		11.000	11.000			11.000	
29	Trường THCS An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã An Điền	Xây mới 7 PH và 7 PCN, sửa chữa 16 PH cũ thành 16 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		21.000	21.000		10.000	10.000			10.000	
30	Trường MN Mỹ Hưng	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ Hưng	Xây dựng 9 PH và cải tạo 03 PH cũ thành 6 PCN và các HMP, thiết bị	2024-2026		28.000	28.000		7.000	7.000			7.000	
31	Trường MN An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Xây dựng mới 10 PH, 5 PCN và các HMP, thiết bị	2024-2026		29.000	29.000		7.000	7.000			7.000	
32	Trường MN Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Xây dựng mới 8 PH và 4 PCN, cải tạo 03 PH cũ thành 6 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		16.000	14.999		8.000	6.158			6.158	
33	Đường ĐX.03 (Đường liên xã Hòa Lợi - Quới Điền), xã Hòa Lợi		UBND huyện Thạnh Phú	xã Hòa Lợi	Cấp B	2024-2026		10.000	8.000		3.000	3.000			3000	
34	Đường ĐA.02 (đoạn từ Hai Nhiệm đến ấp Quí Lợi), xã Hòa Lợi		UBND huyện Thạnh Phú	xã Hòa Lợi	Cấp B	2024-2026		6.200	3.100		2.000	2.000			2.000	
V	Huyện Châu Thành							880.701	857.772	30.768	321.390	196.416	31.430	28.530	136.456	
1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa		2020-2022	197/QĐ-SXD, 31/10/2019; 258/QĐ-SXD, 17/6/2020	7.445	5.956	2.926	2.683	2.683	1.417	230	1.036	hoàn thành
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hóa và xây dựng mới Hội trường văn hóa xã, các phòng chức năng	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa		2020-2022	196/QĐ-SXD, 31/10/2019	6.600	5.280	2.400	2.129	2.129	2.129			hoàn thành
3	Đường ĐX.03 (Điểm đầu giáp ĐX.01 điểm cuối giáp ĐHK.13), xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa	cấp A	2020-2022	453/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.900	6.210	1.830	3.013	3.013	3.013			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
4	Đường ĐX.04 (Đầu giáp ĐHDK.13 cuối giáp ĐX.01), xã An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hòa	cấp A	2020-2022	454/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	4.559	4.103	2.500	1.425	1.425	1.425		hoàn thành
5	Xây dựng 02 cống trên tuyến đường ĐA.01 (điểm đầu giáp ĐHDK.13, điểm cuối giáp ĐX.02), xã An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hòa		2020-2022	445/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	2.500	1.750	1.000	204	204	204		hoàn thành
6	Đường ĐA.03 (Điểm đầu giáp ĐH.04 điểm cuối giáp ĐX.02), xã An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hòa	cấp B	2020-2022	444/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.023	4.916	2.800	776	776	776		hoàn thành
7	Đường ĐX.01 (Điểm đầu giáp QL.57C điểm cuối giáp Chợ Thạnh Hưng), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp A	2020-2022	446/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	5.549	4.994	2.565	857	857	857		hoàn thành
8	Đường ĐX.03 (Điểm đầu giáp ĐH.01 điểm cuối giáp QL.57C), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp B	2020-2022	447/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	10.594	9.535	5.500	2.451	2.451	2.451		hoàn thành
9	Đường ĐX.04 (Điểm đầu giáp ĐH.01 điểm cuối giáp Đê Ba Lai), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp A	2020-2022	448/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	2.723	2.451	1.400	369	369	369		hoàn thành
10	Xây mới hội trường văn hóa xã và các phòng chức năng, xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa		2020-2022	198/QĐ-SXD, 31/10/2019	3.300	2.640	1.300	1.158	1.158	1.158		hoàn thành
11	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.04, xã An Hiệp	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Hiệp		2020-2022	658/QĐ-GTVT, 16/11/2020	3.135	2.822		2.267	2.267	2.267		hoàn thành
12	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Hòa		2020-2022	659/QĐ-GTVT, 16/11/2020	677	609		565	565	565		hoàn thành
13	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã Quới Thành	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành		2020-2022	634/QĐ-GTVT, 11/11/2020	608	547		364	364	364		hoàn thành
14	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã Phú An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú An Hòa		2020-2022	590/QĐ-GTVT, 19/10/2020	715	644		471	471	471		hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2020-2022	655/QĐ-GTVT, 16/11/2020	2.545	2.291		1.847	1.847	1.847		hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.01, xã Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Sơn Hòa		2020-2022	661/QĐ-GTVT, 16/11/2020; 351/QĐ-SGTVT, 8/7/2021	1.700	1.530		1.116	1.116	1.116		hoàn thành
17	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.05, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2020-2022	657/QĐ-GTVT, 16/11/2020	2.111	1.900		1.454	1.454	1.454		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
18	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.01, xã Tiên Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2020-2022	629/QĐ-GTVT, 10/11/2020	229	206		183	183	183		hoàn thành
19	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.03, xã Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Phú		2020-2022	656/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.593	1.434		1.105	1.105	1.105		hoàn thành
20	Hạng mục cầu, cống cọc tiêu, biển báo đường ĐX.02 (Đoạn 1 từ giáp thị trấn Châu Thành đến tổ NDTQ số 2 ấp Phước Tụ; Đoạn 2 từ cầu lò voi đến giáp lộ 364) - giai đoạn 2, xã An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2020-2022	671/QĐ-GTVT, 16/11/2020	4.533	4.080		2.775	2.775	2.775		hoàn thành
21	Hạng mục cầu, biển báo trên ĐX.05 (Từ QL.57B đến giáp đường ĐX.04), xã Giao Long; Hạng mục biển báo trên ĐX.06 đường liên xã Phú Đức - Phú Túc (Từ cầu Phú Long đến giáp cầu Miếu Trắng), xã Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long và Xã Phú Đức		2020-2022	670/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.955	1.760		863	863	863		hoàn thành
22	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.05 (Đoạn 1 từ cống chào ấp Phước Trạch đến Huỳnh Tấn Phát, Đoạn 2 từ nhà ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba Cây Mít ấp Phú Thạnh) - giai đoạn 2, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2020-2022	660/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.080	972		765	765	765		hoàn thành
23	Đường ĐX.05 (Đoạn 1 từ cống chào ấp Phước Trạch đến Huỳnh Tấn Phát, Đoạn 2 từ nhà ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba Cây Mít ấp Phú Thạnh) - giai đoạn 2, xã Phước Thạnh	C	UBND xã Phước Thạnh	Xã Phước Thạnh	Cấp B	2020-2021	64/QĐ-UBND, 9/4/2020	1.887	1.887	756	1.039	1.039	1.039		hoàn thành
24	Đường ĐX.02 (Từ QL60 cũ đến giáp ĐX.01), xã Tân Thạch	C	UBND xã Tân Thạch	Xã Tân Thạch	Cấp B	2020-2021	54/QĐ-UBND, 9/4/2020	1.575	1.575	730	794	794	794		hoàn thành
25	Đường ĐA.05 (Điểm đầu giáp ĐT.883 (QL.57B) - điểm cuối giáp trụ sở ấp Tân Huệ Tây), xã Tân Thạch	C	UBND xã Tân Thạch	xã Tân Thạch	Cấp B	2020-2021	208/QĐ-UBND, 31/12/2019	2.190	1.533	1.000	383	383	383		hoàn thành
26	Đường ĐA.01 (Đường liên ấp Phước Thành - Phước Thiện, từ tổ 03 ấp Phước Thành đến ngã ba cầu Cây Vệt), xã Phước Thạnh	C	Xã Phước Thạnh	xã Phước Thạnh	Cấp B	2020-2021	127/QĐ-UBND, 31/12/2019	3.841	2.689	1.300	1.350	1.350	1.350		hoàn thành
27	Đường ĐX.05 (Đường từ QL.57B điểm cuối giáp cầu Bầy Xương), xã Phú Đức	C	UBND xã Phú Đức	xã Phú Đức	Cấp B	2020-2021	55/QĐ-UBND, 13/4/2020	3.391	3.052	2.761	290	290	290		hoàn thành
28	Xây dựng mới Trụ sở UBND xã Tam Phước, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước		2022-2024	131/QĐ-SXD, 30/6/2021	10.000	8.000		8.000	7.500	1.500	6.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
29	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa		2022-2023	125/QĐ-SXD, 28/6/2021	1.700	1.360		1.360	1.360	1.300	60	
30	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp		2022-2024	418/QĐ-SXD, 13/11/2020	10.000	8.000		8.000	8.000	1.500	6.500	
31	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Khánh		2022-2024	126/QĐ-SXD, 30/6/2021; 226/QĐ-SXD, 5/9/2022	10.000	8.000		8.000	8.000	1.500	6.500	
32	Khu hành chính xã Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú		2022-2024	177/QĐ-SXD, 23/6/2021	14.494	11.500		11.500	11.500	1.800	9.700	
33	Trường Mẫu giáo Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa	4PH, 11PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1561/QĐ-UBND, 05/7/2021	18.000	18.000		18.000	18.000	2.500	15.500	
34	Trường Tiểu học Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa	02PH, 3PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	134/QĐ-SXD, 30/6/2021	9.334	9.334		9.334	9.300	1.700	7.600	
35	Trường Mẫu giáo Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	14PH, 13PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	1563/QĐ-UBND, 05/7/2021	30.000	30.000		30.000	18.060	2.500	15.560	
36	Trường Tiểu học Tân Phú	B	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	30PH, 27PCN, HMP, thiết bị	2021-2024	1654/QĐ-UBND, 14/7/2021	70.000	70.000		70.000	15.000	5.000	10.000	
37	Trường Mẫu giáo Tam Phước	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước	9PN, 13 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	2181/QĐ-UBND, 13/9/2021	33.000	33.000		33.000	17.000	3.000	14.000	
38	Trường Tiểu học Tam Phước	C	Ban QLDA XDDD	xã Tam Phước	9 PH, 9 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1028/QĐ-UBND, 10/5/2021	33.500	33.500		33.500	16.000	2.000	14.000	
39	Trường THCS Tân Phú	C	Ban QLDA XDDD	xã Tân Phú	6PH, 23PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	535/QĐ-UBND, 19/3/2021	30.000	30.000		30.000	12.000	2.000	10.000	
40	Trường THCS Tam Phước	C	Ban QLDA XDDD	xã Tam Phước	10 PH, 12 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1024/QĐ-UBND, 10/5/2021	20.000	20.000		20.000	14.000	2.000	12.000	
41	Trường Mầm non Trần Văn Ôn, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2025-2027		22.200	22.200		500	500		500	chuẩn bị đầu tư
42	Trường Mẫu giáo Giao Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long		2025-2027		17.300	17.300		500	500		500	chuẩn bị đầu tư
43	Trường TH-THCS Giao Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long		2025-2027		58.700	58.700		500	500		500	chuẩn bị đầu tư



STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
44	Trường Mẫu giáo Phú An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú An Hòa		2025-2027		20.000	20.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
45	Trường Tiểu học Phú An Hòa	C	Ban QLDA XDDD	Xã Phú An Hòa		2025-2027		27.000	27.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
46	Trường Tiểu học Tân Thạch A	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Thạch		2025-2027		30.500	30.500		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
47	Trường Tiểu học Tân Thạch B	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Thạch		2025-2027		33.600	33.600		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
48	Trường Mẫu giáo An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2025-2027		25.000	25.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
49	Trường THCS An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2025-2027		27.000	27.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
50	Trường Mẫu giáo Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức		2025-2027		25.500	25.500		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
51	Trường Tiểu học Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức		2025-2027		32.100	32.100		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
52	Trường Mẫu giáo Tiên Thủy	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Thủy		2025-2027		26.700	26.700		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
53	Trường Tiểu học Tiên Thủy B	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Thủy		2025-2027		9.015	9.015		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
54	Trường Tiểu học Quới Thành	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành		2025-2027		37.400	37.400		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
55	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Khá, xã Tiên Long,	B	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2025-2027		80.000	80.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
56	Trường Mẫu giáo Tiên Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2025-2027		27.700	27.700		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
VI	Huyện Bình Đại							372.063	322.613	62.620	180.028	178.696	57.121	24.200	97.375	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (Đường vào trung tâm xã Thạnh Phước), huyện Bình Đại	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước	cấp A	2020-2022	2367/QĐ-UBND, 28/10/2019	29.988	26.989	9.594	17.395	15.365	11.969	3.396		hoàn thành
2	Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa xã và xây dựng 05 phòng chức năng xã Thạnh Phước	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước		2020-2022	158/QĐ-SXD, 04/10/2019; 216/QĐ-UBND, 06/5/2020	10.276	8.221	5.000	3.221	3.014	2.944	70		hoàn thành
3	Đường ĐX.01 (đoạn từ giáp xã Châu Hưng đến giáp xã Lộc Thuận), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	cấp A	2020-2022	2424/QĐ-UBND, 31/10/2019	34.647	31.182	14.619	14.000	14.000	8.000	6.000		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Xây mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Hội trường văn hóa xã và các phòng chức năng xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai		2020-2022	192/QĐ-SXD, 31/10/2019	14.415	11.532	5.000	5.564	5.564	1.885	3.679		hoàn thành
5	Đường Bờ Kênh xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại	C	UBND huyện Bình Đại	Vang Quới Tây	cấp A	2020-2022	2526/QĐ-SGTVT, 30/9/2016; 41/QĐ-SGTVT, 17/01/2020	13.847	12.462	7.000	4.770	4.770	4.770	4.770		hoàn thành
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.02 (Đường Giồng Cây Trâm), xã Thạnh Phước	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước	cấp A	2020-2022	436/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	8.716	7.844	3.500	4.065	4.065	4.000	65		hoàn thành
7	Đường ĐX02 (đoạn từ giáp đường ĐX.04 đến đường ĐH.07), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	457/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.096	9.086	5.007	2.607	2.607	2.607	2.607		hoàn thành
8	Nâng cấp, mở rộng và xây mới đường ĐX03 (đoạn từ QL.57B, ĐX.04 đến Đường ĐX.01), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	460/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	11.117	10.005	4.000	4.582	4.582	4.582	4.582		hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.04 (đoạn từ giáp xã Vang Quới Tây, Vang Quới Đông đến sông Ba Lai), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp A	2020-2022	463/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	14.985	13.487	4.000	9.409	9.409	9.409	9.409		hoàn thành
10	Đường ĐA04 (Đoạn từ cách Quốc lộ 57B 535m đến đường ĐX01), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	466/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	3.310	2.317	2.000	300	300	300	300		hoàn thành
11	Đường Đê Hậu (ĐA.01), điểm đầu đường ĐX.01, điểm cuối đất ông Đặng Văn Bung, xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	xã Phú Long	Cấp B	2020-2021	12/QĐ-UBND, 15/3/2020	1.659	1.161	1.000	160	160	160	160		hoàn thành
12	Đường Giồng Giữa (ĐA.01), xã Thạnh Trị	C	UBND xã Thạnh Trị	xã Thạnh Trị	Cấp B	2020-2021	36/QĐ-UBND, 20/3/2020	1.756	1.229	1.000	150	150	150	150		hoàn thành
13	Đường liên ấp Giồng Tre - Ao Vuông (ĐA.07), điểm đầu đường ĐC. 03, điểm cuối đường ĐX. 05, xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	xã Phú Long	Cấp B	2020-2021	14/QĐ-UBND, 24/3/2020	1.814	1.270	900	370	370	370	370		hoàn thành
14	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên Đường ĐX.02 (Đường vào trung tâm xã Long Định), xã Long Định	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Long Định		2020-2022	641/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	1.775	1.598		1.379	1.379	1.369	10		hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.01 (Đường vào trung tâm xã Lộc Thuận, đoạn từ giáp UBND xã Lộc Thuận đến giáp sông Cửa Đại), xã Lộc Thuận	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Lộc Thuận		2020-2022	465/QĐ-SGTVT, 08/09/2020	1.776	1.598		1.455	1.455	1.440	15		hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04 (Đường Tập đoàn 2, ấp Bình Thới 3 từ QL.57B đến đê ven sông Cửa Đại), xã Bình Thới	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thới		2020-2022	449/QĐ-SGTVT, 01/09/2020	2.000	1.800		1.721	1.721	1.500	221		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ giáp đất ông Phan Văn Khỏe đến giáp đất Ông Bùi Đình Ngân), xã Bình Thắng; Hạng mục biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (Đoạn từ trạm y tế xã đến ngã 3 Chín Tranh), xã Định Trung	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thắng và Xã Định Trung		2020-2022	640/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	2.300	2.070		1.681	1.681	1.666	15		hoàn thành
18	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận	C	UBND huyện Bình Đại	xã Lộc Thuận		2022-2024	422/QĐ-SXD, 13/11/2020	11.000	8.800		8.800	8.800		6.729	2.071	
19	Trường Mẫu giáo Sao Mai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Long Định	10 PH, 11 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	2974/QĐ-UBND, 13/11/2020	23.200	23.200		23.000	23.000		2.000	21.000	
20	Trường Tiểu học Long Định	C	UBND huyện Bình Đại	xã Long Định	xây mới 7PH, 10 PCN; sửa chữa 8PH, 10 PCN; HMP, thiết bị	2022-2024	2973/QĐ-UBND, 13/11/2020	25.500	25.500		25.500	25.500		2.000	23.500	
21	Đường vào trung tâm xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2022-2024	2942/QĐ-UBND, 10/11/2020	24.150	19.320		18.000	18.000			18.000	
22	Xây dựng 02 cầu trên Đường ĐA.04, xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2022-2024	331/QĐ-SGTVT, 10/5/2022	4.190	2.095		2.095	2.095			2.095	
23	Cải tạo Hội trường Văn hóa xã và cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ thành các phòng chức năng, xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2023-2025		2.000	1.400		1.400	1.400			1.400	
24	Đường ĐX.03 Từ Quốc lộ 57B đến Đê Sông Tiền, xã Vang Quới Đông	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Đông		2024-2026		23.500	18.800		10.000	10.000			10.000	
25	Xây dựng trung tâm hành chính xã Vang Quới Tây	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Tây		2024-2026		12.000	8.400		3.000	3.000			3.000	
26	Xây dựng trung tâm hành chính xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2024-2026		11.000	7.700		3.000	3.000			3.000	
27	Xây dựng trung tâm hành chính xã Định Trung	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Định Trung		2024-2026		11.000	7.700		4.404	4.409			4.409	
28	Xây dựng trung tâm hành chính xã Thừa Đức	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thừa Đức		2025-2027		14.000	9.800		4.000	4.000			4.000	
29	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng, xã Vang Quới Tây	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Tây		2025-2027		26.000	26.000		2.000	2.900			2.900	
30	Trường Mẫu giáo Hương Nhân, xã Tam Hiệp	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Tam Hiệp		2025-2027		20.046	20.046		2.000	2.000			2.000	
VII	Huyện Ba Tri							351.897	333.838	51.314	234.206	101.376	42.213	23.180	35.983	
1	Đường ĐX.05, (từ nhà ông Nguyễn Văn Ngọt đến cầu ông Đình), xã An Thủy	C	UBND xã An Thủy	xã An Thủy	Cấp B	2020-2021	132/QĐ-UBND, 19/12/2019	2.978	2.680	1.400	512	512	512			hoàn thành
2	Đường ĐX.02 (đoạn từ huyện lộ 14 đến đình An Đức), xã An Đức	C	UBND xã An Đức	xã An Đức	Cấp B	2020-2021	140/QĐ-UBND, 25/12/2019	2.315	2.084	1.500	445	445	445			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	
3	Đường ĐX.01 (từ ĐHK.06 đến đất ông Trần Văn Lót), xã An Hoà Tây	C	UBND xã An Hoà Tây	xã An Hoà Tây	Cấp B	2020-2021	19/QĐ-UBND, 15/01/2020	4.985	4.487	2.000	1.547	1.547	1.547		hoàn thành
4	Đường ĐX.02 (từ ranh xã An Bình Tây đến ngã ba Giồng Chi), xã An Hiệp	C	UBND xã An Hiệp	xã An Hiệp	Cấp B	2020-2021	203/QĐ-UBND, 20/12/2019	4.988	4.489	2.800	1.391	1.391	1.391		hoàn thành
5	ĐX.03 (từ ĐX.02 đến giáp sông Tân Khai), xã Tân Hưng	C	UBND xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Cấp B	2020-2021	52/QĐ-UBND, 30/12/2019	3.098	2.788	2.200	144	144	144		hoàn thành
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến Đường ĐA.06 (đoạn từ ĐH.16 đến Đường ĐX.02), xã Bảo Thuận	C	UBND xã Bảo Thuận	xã Bảo Thuận	Cấp B	2020 - 2021	01/QĐ-UBND, 02/1/2020	4.000	2.800	1.677	1.108	1.108	1.108		hoàn thành
7	Đường ĐA.06 (đoạn từ HL.14 đến ông Nguyễn Văn Bộn), xã An Đức	C	UBND xã An Đức	xã An Đức	Cấp C	2020-2021	139/QĐ-UBND, 20/12/2019	2.816	1.971	1.671	300	300	300		hoàn thành
8	Đường ĐX.01 (đoạn từ TL.885 đến giáp ranh xã Bảo Thuận), xã Vĩnh Hòa, Ba Tri	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	2106/QĐ-UBND, 26/9/2019	21.304	19.174	8.000	11.174	10.594	4.794	5.800	hoàn thành
9	Đường liên xã Tân Thủy - Bảo Thuận, huyện Ba Tri	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Thủy, Bảo Thuận	cấp A	2020-2022	452/QĐ-SGTVT, 19/10/2019	13.498	12.148	5.000	7.148	2.637	2.203	434	hoàn thành
10	Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Nhà văn hóa đa năng và các phòng chức năng xã Vĩnh Hòa	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa		2020-2022	187/QĐ-SXD, 30/10/2019	10.000	8.000	6.050	1.950	1.950	1.700	250	hoàn thành
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (Đoạn từ đường ĐH 01 đến đường HL.10) và nhánh rẽ, xã Mỹ Chánh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Mỹ Chánh	Cấp A, B	2019 - 2021	2305/QĐ-UBND, 24/10/2018	21.347	19.212	8.000	9.617	9.617	9.617		hoàn thành
12	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Vĩnh Hòa (Đường ĐX.02), đoạn từ TL.885 đến giáp ranh xã Tân Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	399/QĐ-SGTVT, 09/10/2019	14.776	13.298	7.516	5.783	5.783	5.783		hoàn thành
13	Đường ĐX.03 (đoạn từ TL.885 đến ĐX.04), xã Vĩnh Hòa	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	398/QĐ-SGTVT, 09/10/2019	6.498	5.848	3.500	2.280	2.280	2.280		hoàn thành
14	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.01 (ĐH.10 đến cầu Kênh Điều), xã Tân Xuân; Hạng mục biển báo: ĐX.01 (đoạn từ ĐH.16 đến Đường ĐX.03), xã Bảo Thuận; ĐX.05 (Từ ĐH.DK.04 đến ĐH.14), xã Phú Ngãi; ĐX.04 (Từ ĐA.02 đến nhánh rẽ ĐX.03), xã Phú Lễ; ĐX.01 (Từ ĐH.12 đến ĐX.03), xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Xuân; Xã Bảo Thuận; Xã Phú Ngãi; Xã Phú Lễ; Xã Mỹ Thạnh		2020-2022	562/QĐ-SGTVT, 01/10/2020	3.559	3.203		3.203	3.100	2.000	1.100	hoàn thành
15	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.02 (Đoạn từ ĐH.DK.03 đến cầu Bến huyện), xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hiệp		2020-2022	561/QĐ-SGTVT, 01/10/2020	12.040	10.836		10.836	10.614	4.114	6.500	hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cổng, biển báo trên đường ĐX.08 (Từ ĐH.14 đến đường ĐX.02), xã An Đức	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Đức		2020-2022	388/QĐ-SGTVT, 05/08/2020	1.690	1.521		1.521	1.438	1.000	438	hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.07 (Từ ĐX.02 đến đê Hàm Luông), An Ngãi Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Ngãi Tây		2020-2022	500/QĐ-SGTVT, 14/9/2020	896	806		784	784	784			hoàn thành
18	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.03 (từ ĐH.DK.05 đến lộ An Đức), xã Tân Mỹ	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Mỹ		2020-2022	378/QĐ-SGTVT, 30/7/2020	2.208	1.987		1.987	1.980	1.900	80		hoàn thành
19	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.03 (Từ ĐH.14 đến cầu Bờ Chùa), xã Phú Lễ; Hạng mục biển báo trên Đường ĐX.11 (Từ ĐX.07 đến ĐX.08), xã Tân Hưng; Hạng mục biển báo trên Đường ĐX.03 (Từ QL.57C đến ĐH.01), xã An Bình Tây.	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Phú Lễ, Xã Tân Hưng; Xã An Bình Tây		2020-2022	513/QĐ-SGTVT, 17/9/2020	689	620		591	591	591			hoàn thành
20	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh		2022-2024	425/QĐ-SXD, 13/11/2020	11.637	9.310		9.310	7.578		2.578	5.000	
21	Trường MG Phú Lễ	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phú Lễ	xây mới 5 PH 14 PCN; sửa chữa các PH; HMP, thiết bị	2022-2024	380/QĐ-UBND, 25/2/2021	25.875	25.875		23.875	12.900		2.000	10.900	
22	Trường Trung học cơ sở Phú Lễ	C	Ban QLDA XDDD	xã Phú Lễ	xây mới 12 PH 29 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	471/QĐ-UBND, 11/3/2021	41.000	41.000		39.000	11.083		2.000	9.083	
23	Trường Tiểu học Phú Lễ	C	Ban QLDA XDDD	xã Phú Lễ	xây mới 14 PCN; sửa chữa 14 PH, 6 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	472/QĐ-UBND, 11/3/2021	25.800	25.800		23.800	11.000		2.000	9.000	
24	Trường Mầm non An Bình Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Bình Tây		2025-2027		34.900	34.900		34.900	500			500	chuẩn bị đầu tư
25	Trường Trung học cơ sở An Bình Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Bình Tây		2025-2027		39.000	39.000		39.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
26	Trường Mầm non Phước Ngãi	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phước Ngãi		2025-2027		32.000	32.000		1.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
27	Trường Tiểu học Phước Ngãi	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phước Ngãi		2025-2027		8.000	8.000		1.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
VIII	Huyện Giồng Trôm							162.386	148.552	11.610	86.752	83.952	14.289	11.800	57.863	
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Châu Hòa (gồm đường ĐX.01 và ĐX.02)	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Châu Hòa	cấp A	2020-2022	449/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	8.235	7.412	4.445	2.150	2.150	2.150			hoàn thành
2	Đường ĐA.05 (Đường Thuận Điện - Lương Phú - Sơn Phú, đoạn từ nhà ông Hồ Văn Nhân đến nhà ông Bùi Tuấn Nguyễn), xã Thuận Điện	C	UBND xã Thuận Điện	xã Thuận Điện	Cấp C	2020-2021	81/QĐ-UBND, 07/4/2020	1.995	1.397	1.100	197	197	197			hoàn thành
3	Đường trục chính ấp Mỹ Hoà, xã Long Mỹ	C	UBND xã Long Mỹ	xã Long Mỹ	cấp B	2020-2021	98/QĐ-UBND, 08/4/2020	3.643	2.550	2.000	224	224	224			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú	
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022		KH giai đoạn 2023 - 2025
4	Đường liên ấp 5-6 (ĐC.05), xã Thạnh Phú Đông (đoạn 2)	C	UBND xã Thạnh Phú Đông	xã Thạnh Phú Đông	Cấp C	2020-2021	153/QĐ-UBND, 09/4/2020	4.915	3.441	2.525	678	678	678		hoàn thành	
5	Đường ĐC.03 (Đường lộ liên ấp 2 - 3, từ cầu trường THCS đến ngã ba lộ Hoà Trị), xã Lương Hòa	C	UBND xã Lương Hòa	xã Lương Hòa	Cấp C	2020-2021	27/QĐ-UBND, 10/01/2020; 333/QĐ-UBND, 22/9/2020	1.806	1.264	1.040	200	200	200		hoàn thành	
6	Hạng mục cầu, biển báo trên Đường ĐX.01 (Đoạn từ QL.57C đến ĐX.02), xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ		2020-2022	645/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.040	4.536		3.953	3.953	2.550	1.403	hoàn thành	
7	Hạng mục cầu, cống, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.03, xã Sơn Phú; Hạng mục biển báo, cọc tiêu: ĐX.03, xã Hưng Lễ; ĐX.01 (đoạn từ Nghĩa Trang cũ đến cầu Cái Sơn), xã Thuận Điền; ĐX.02 (đường lộ Giồng Bà Mến), xã Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Sơn Phú; Xã Hưng Lễ; Xã Thuận Điền; Xã Tân Hào		2020-2022	646/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.800	2.520		2.520	2.520	1.103	1.230	187	hoàn thành
8	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ		2020-2022	647/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.706	2.435		2.194	2.194	1.500	694	hoàn thành	
9	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.03, xã Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền		2020-2022	648/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	3.000	2.700		2.456	2.456	1.500	956	hoàn thành	
10	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Hưng Lễ; Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Hưng Nhượng; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02, xã Tân Thanh	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Hưng Lễ, Xã Hưng Nhượng, Xã Tân Thanh		2020-2022	649/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	778	700		617	617	617		hoàn thành	
11	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ ĐT.885 đến cầu Ba Vong), xã Lương Hòa	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Lương Hòa		2020-2022	650/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.946	1.751		1.549	1.549	1.549		hoàn thành	
12	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.01 (Đoạn từ cầu Đông Ngò đến nhà ông Lê Thanh Hùng), xã Bình Hòa; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ ĐH.DK.30 đến cầu Địa Mới), xã Phước Long; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.03 (Đoạn từ đường liên xã Mỹ Thạnh - Thuận Điền đến ĐA.07), xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Bình Hòa, Xã Phước Long, Xã Mỹ Thạnh		2020-2022	651/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	500	450		431	431	431		hoàn thành	
13	Đường ĐX.02 (Đoạn từ ĐT.885 đến cầu Ba Vong), xã Lương Hòa	C	UBND xã Lương Hòa	Xã Lương Hòa	Cấp B	2020-2021	100/QĐ-UBND, 8/4/2020	2.244	2.244	500	1.590	1.590	1.590		hoàn thành	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú	
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022		KH giai đoạn 2023 - 2025
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ, xã Thanh Phú Đông, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Thanh Phú Đông		2022-2024	484/QĐ-SXD, 24/12/2020	7.000	5.600		5.600	5.600		2.000	3.600	
15	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Sơn Phú		2022-2024	483/QĐ-SXD, 24/12/2020	4.464	3.571		3.571	3.571		1.500	2.071	
16	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Hưng Lễ		2022-2024	482/QĐ-SXD, 24/12/2020	7.000	5.600		5.600	5.600		2.117	3.483	
17	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Mỹ Thạnh		2022-2024	142/QĐ-SXD, 19/8/2021	2.414	1.931		1.931	1.931		1.900	31	
18	Trường Tiểu học Lê Thọ Xuân, Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào	sửa chữa 6 PH; xây mới 18 PH và 15 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026	315/QĐ-UBND, 09/02/2021	36.000	36.000		14.841	13.841			13.841	
19	Trường Mầm non Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào	* Điểm chính: 6 PH, 13 PCN, HMP, thiết bị. * Điểm lẻ: cải tạo PH và PCN, HMP	2023-2025	1752/QĐ-UBND, 23/7/2021	26.200	26.200		26.200	26.200			26.200	
20	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào		2022-2024	99/QĐ-SXD, 19/5/2021	3.500	2.450		2.450	2.450			2.450	
21	Trường Tiểu học Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền	Khung chính: xây mới 2 PCN, nâng cấp 5 PCN; Khung áp 1: Nâng cấp 5 PH, HMP	2025-2027		4.000	4.000		1.000	1.000			1.000	
22	Trường THCS Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền	Xây mới 10 PCN, HMP	2025-2027		4.000	4.000		1.000	1.000			1.000	
23	Trường Mầm non Phong Năm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Phong Năm	Điểm chính xây dựng 04 PH, HMP. Điểm lẻ: Xây dựng 02 PH, 06 PCN và các HMP	2025-2027		8.700	8.700		1.000	1.000			1.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
24	Trung tâm hành chính xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ	sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		4.000	2.800		1.000	1.000			1.000	
25	Trung tâm hành chính xã Tân Thanh		UBND huyện Giồng Trôm	Xã Tân Thanh	sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		4.000	2.800		2.800	1.000			1.000	
26	Trường Tiểu học Bình Hòa	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Bình Hòa		2025-2027		11.500	11.500		1.000	1.000			1.000	
IX	Thành phố Bến Tre							7.333	4.752		4.752	4.752			4.752	
1	Trường Mầm non Bình Phú	C	UBND TP Bến Tre	xã Bình Phú	3 phòng học và 1 bếp ăn	2023-2025		7.333	4.752		4.752	4.752			4.752	NS tỉnh hỗ trợ 4,752 tỷ đồng, còn lại ngân sách TP BT đối ứng

Ghi chú: đối với các công trình chưa có quyết định đầu tư thì tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế là tính toán sơ bộ, sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập BC kinh tế kỹ thuật, BC nghiên cứu khả thi

Phụ lục II

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 19 /2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
	Tổng							1.387.012	1.009.690	898.846	796.790	214.760	582.030	
I	Huyện Chợ Lách							42.953	28.300	28.300	27.760		27.760	
1	Đường ĐX 04 (Đường cây Dong áp Long Hòa (từ QL57 đến Huyện lộ 38)), xã Long Thới		UBND huyện	xã Long Thới	cấp A	2023-2025		5.300	4.240	4.240	4.240		4.240	
2	Đường ĐX 08 (Tuyến Quốc Lộ 57 (Hai Thăm) xã Vĩnh Thành - Đường vào Trung tâm xã Hưng Khánh Trung B (giai đoạn 1)		UBND huyện	xã Vĩnh Thành	cấp A	2023-2025		3.500	2.800	2.800	2.800		2.800	
3	Đường ĐX 05 (Tuyến từ ngã ba Phú Quới - Vĩnh Chính đến cầu ông kéo Vĩnh Chính), xã Vĩnh Hòa		UBND huyện	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2023-2025		5.700	4.560	4.560	4.560		4.560	
4	Cổng Ba Trọng trên đường vào Trung Tâm xã Hưng Khánh Trung B		UBND huyện Chợ Lách	xã Hưng Khánh Trung B		2023-2025		5.000	4.000	4.000	4.000		4.000	
5	Đường ĐA05 (Tuyến đường từ QL57 đến Huyện lộ 31), xã Vĩnh Bình		UBND xã Vĩnh Bình	xã Vĩnh Bình	cấp B	2023-2025		1.800	900	900	900		900	
6	Đường ĐA07 (Tuyến từ cầu Đình Hòa Thuận đến cầu Phú Hòa), xã Vĩnh Bình		UBND xã Vĩnh Bình	xã Vĩnh Bình	cấp B	2023-2025		1.600	800	800	800		800	
7	Đường ĐA05, ĐA 06 (Tuyến từ nhà Trần Khánh Hồng - HL 33- trụ sở ấp Đại An), xã Hòa Nghĩa		UBND xã Hòa Nghĩa	xã Hòa Nghĩa	cấp B	2023-2025		1.700	850	850	850		850	
8	Đường ĐA 07 (Đường từ ĐA 01 đến đê bao An Quy (Quân An - An Quy)), xã Long Thới		UBND xã Long Thới	xã Long Thới	cấp B	2023-2025		3.400	1.700	1.700	1.700		1.700	
9	Đường ĐA 06 (Tuyến lộ từ công chào áp Văn Hóa đến nhà Bảy Hựu áp Hòa I), xã Vĩnh Hòa		UBND xã Vĩnh Hòa	xã Vĩnh Hòa	cấp B	2023-2025		2.800	1.400	1.400	1.400		1.400	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
10	Đường ĐA 04 (Tuyến từ QL57 đến cầu thép không gian Hòa Lộc), xã Hưng Khánh Trung B		UBND xã Hưng Khánh Trung B	xã Hưng Khánh Trung B	cấp B	2023-2025		1.950	975	975	975		975	
11	Đường ĐA 04 (Tuyến từ Lộ Ngà tư đến cầu Rạch Ranh), xã Sơn Định		UBND xã Sơn Định	xã Sơn Định	cấp B	2023-2025		1.900	950	950	950		950	
12	Gia cố mặt đê từ cầu xóm chi - Rạch Sơn, xã Sơn Định		UBND xã Sơn Định	xã Sơn Định	cấp B	2023-2025		1.200	840	840	600		600	
13	Gia cố mặt đê từ cầu Rạch Sơn - Hòa Phụng, xã Sơn Định		UBND xã Sơn Định	xã Sơn Định	cấp B	2023-2025		1.500	1.050	1.050	750		750	
14	ĐC 16 (Tuyến từ Tâm - Bảy Bửu - Ba Quang), xã Phú Sơn		UBND xã Phú Sơn	xã Phú Sơn	cấp C	2023-2025		1.718	515	515	515		515	
15	Gia cố mặt đê từ cầu Rạch Sơn đến nhà ông 6 Tấn, xã Vĩnh Bình		UBND huyện Chợ Lách	xã Vĩnh Bình		2023-2025		2.000	1.400	1.400	1.400		1.400	
16	Đê bao ấp Long Quới (cầu Long Quới - cống cầu Ngựa), xã Long Thới		UBND huyện Chợ Lách	xã Long Thới	khoảng 1000 m	2023-2025		1.000	700	700	700		700	
17	Đê bao từ nhà bà Lưu Thị Tư đến ông Nguyễn Văn Phi, ấp Định Bình, xã Hòa Nghĩa		UBND huyện Chợ Lách	xã Hòa Nghĩa		2023 -2025		885	620	620	620		620	
II	Huyện Mô Cày Bắc							187.866	141.412	110.680	102.712	27.840	74.872	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (đoạn từ Vòng xoay cầu Hàm Luông đến bến đò Trường Thịnh), xã Thanh Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Thanh Tân	Cấp A	2021-2023	3124/QĐ-UBND, 27/11/2020	41.000	36.900	36.900	36.700	6.000	30.700	
2	Đường ĐA.05 liên ấp Thanh Sơn 2, 3, 4 (đoạn từ ĐA.04 đến bến phà Hàm Luông cũ), xã Thanh Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Thanh Tân	Cấp B	2021-2023	513/QĐ-SGTVT, 24/9/2021	14.950	10.465	10.465	10.465	2.300	8.165	
3	Đường ĐX.02 (đoạn từ đường tránh thị trấn Mô Cày đến giáp ĐX.03 xã Tân Bình), xã Hòa Lộc		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Hòa Lộc	cấp A	2021-2023	371/QĐ-SGTVT, 14/7/2021	14.981	13.483	13.483	13.483	4.200	9.283	
4	Đường ĐX.03 (đoạn từ đường tránh thị trấn Mô Cày đến giáp Đường ĐX.03 xã Thành An), xã Hòa Lộc		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Hòa Lộc	cấp A	2021-2023	312/QĐ-SGTVT, 23/6/2021	14.347	12.912	12.912	12.912	4.100	8.812	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
5	Đường ĐX.03 (đoạn từ ranh đô thị đến ĐX.01 xã Hưng Khánh Trung A - Nhánh 01), xã Phước Mỹ Trung		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Phước Mỹ Trung	cấp A	2021-2023	368/QĐ-SGTVT, 30/5/20222	8.800	7.920	7.920	7.920	5.000	2.920	
6	Đường ĐX.05 (Đoàn từ đường ĐX.03 đến ĐX.01 xã Hưng Khánh Trung A - Nhánh 02), xã Phước Mỹ Trung		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Phước Mỹ Trung	cấp A	2021-2023	369/QĐ-SGTVT, 30/5/20222	5.900	5.310	5.310	5.310	3.300	2.010	
7	Cải tạo Hội trường nhà văn hóa xã, xây dựng mới 05 phòng chức năng xã Thạnh Ngãi		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Thạnh Ngãi		2021-2023	207/QĐ-SXD, 6/12./2021	3.000	2.400	2.400	2.400	2.100	300	
8	Đường ĐA.01 (đoạn từ ĐX.04 đến ngã 3 vào trường TH Thạnh Ngãi 1), xã Thạnh Ngãi		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Thạnh Ngãi	cấp B	2021-2023	398/QĐ-SGTVT, 9/6/2022	1.656	1.159	1.159	1.159	840	319	
9	Đường ĐA.03 (Đoạn từ ranh quy hoạch đô thị đến đường ĐA.02), xã Phước Mỹ Trung		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Phước Mỹ Trung	cấp B	2023-2025		4.500	2.250	2.250	2.250		2.250	
10	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Nhuận Phú Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Nhuận Phú Tân	Cải tạo, sửa chữa hội trường hiện hữu thành hội trường văn hóa đa năng	2023-2025		1.330	931	931	931		931	
11	Đường ĐA.07, từ ĐH.20 (nhà Trương Văn Sáu) đến giáp ranh xã Khánh Thạnh Tân (nhà Ngô Văn Triết), xã Nhuận Phú Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Nhuận Phú Tân	Cấp B	2024-2026		11.300	5.650	3.000	2.000		2.000	
12	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Khánh Thạnh Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Khánh Thạnh Tân	Xây dựng hội trường văn hóa đa năng	2024-2026		3.500	2.450	2.450	1.000		1.000	
13	Đường ĐX.04 (đoạn từ đường ĐH.20 - ĐX.01) xã Khánh Thạnh Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Khánh Thạnh Tân	Cấp A	2024-2026		13.812	11.050	3.000	2.182		2.182	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Phú Sơn và nhánh rẽ giáp xã Vinh Hòa), xã Phú Mỹ		UBND huyện Mò Cày Bắc	xã Phú Mỹ	Cấp A	2024-2026		13.790	11.032	3.000	2.000		2.000	
15	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐH.34 (đoạn từ ranh Chợ Lách đến UBND xã Thạnh Ngãi -giai đoạn 1)		UBND huyện Mò Cày Bắc	huyện Mò Cày Bắc		2025-2027		30.000	15.000	3.000	1.000		1.000	
16	Cải tạo Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Mò Cày Bắc		UBND huyện Mò Cày Bắc	huyện Mò Cày Bắc		2025-2027		5.000	2.500	2.500	1.000		1000	
III	Huyện Mò Cày Nam							235.108	140.673	112.236	86.056	33.225	52.831	
1	Đường ĐX.01 (từ QL.57 đến cầu Chợ Ngãi Đàng, giáp xã Cẩm Sơn), xã Ngãi Đàng		UBND huyện Mò Cày Nam	xã Ngãi Đàng	cấp A	2022-2024	468/QĐ-SGTVT, 08/9/2021	11.483	10.335	10.335	10.335	6.000	4.335	
2	Cải tạo hội trường Ủy ban nhân dân xã thành các phòng chức năng; xây dựng mới Hội trường văn hóa xã Ngãi Đàng		UBND huyện Mò Cày Nam	xã Ngãi Đàng		2021-2023	494/QĐ-SXD, 31/12/2020	4.200	3.360	3.360	3.360	2.300	1.060	
3	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.02 (từ QL.57 đến giáp ranh xã Minh Đức), xã Hương Mỹ		UBND huyện Mò Cày Nam	xã Hương Mỹ	cấp B	2021-2023	64/QĐ-SGTVT, 25/01/2021	5.707	5.136	5.136	5.136	2.800	2.336	
4	Xây dựng Đường ĐA.05 (từ HL.17 đến cầu Mỹ Đức 2), xã Hương Mỹ		UBND huyện Mò Cày Nam	xã Hương Mỹ	cấp B	2021-2023	304/QĐ-SGTVT, 17/6/2021	7.252	5.076	5.076	5.076	4.000	1.076	
5	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐC.01 (đoạn từ QL.57 đến hộ ông Châu Văn Lâm, ấp Thạnh Tây), xã Hương Mỹ		UBND xã Hương Mỹ	xã Hương Mỹ	cấp C	2021-2023	156/QĐ-UBND, 23/10/2020	418	125	125	125	125		
6	Xây dựng mới các phòng chức năng xã Hương Mỹ		UBND huyện Mò Cày Nam	xã Hương Mỹ		2021-2023	436/QĐ-SXD, 13/11/2020	2.182	1.746	1.746	1.746	1.400	346	
7	Đường ĐX.02 (từ đường ĐX.03 đến giáp ranh xã Đa Phước Hội), xã An Thạnh		UBND huyện Mò Cày Nam	xã An Thạnh	cấp A	2021-2023	341/QĐ-SGTVT, 01/7/2021	5.600	5.040	5.040	5.040	2.100	2.940	
8	Đường ĐA.01 (đoạn từ cầu Đình đến đường ĐX.01), xã An Thạnh		UBND xã An Thạnh	xã An Thạnh	cấp B	2021-2023	141/QĐ-UBND, 23/10/2020	2.765	1.936	1.936	1.936	1.400	536	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
9	Đường ĐA.09 (từ QL.60 đến đường ĐA.06), xã An Thạnh		UBND huyện Mô Cày Nam	xã An Thạnh	cấp C	2022-2024	356/QĐ-SGTVT, 08/7/2021	14.636	10.245	10.245	10.245	4.800	5.445	
10	Đường ĐX.04 (từ QL.57 đến ĐX 02 xã Bình Khánh), xã An Định		UBND huyện Mô Cày Nam	xã An Định	cấp A	2022-2024	476/QĐ-SGTVT, 10/9/2021	14.950	13.455	13.455	13.455	8.300	5.155	
11	Đường ĐX.02 (liên xã Bình Khánh - An Định, đoạn từ đường ĐX.01 xã Bình Khánh đến Chợ Cái Quao xã An Định)	7870794	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	672/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	13.964		5.000	5.000		5.000	
12	Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐH.22 đến nhà chú Sáu Thao), xã Bình Khánh	7870793	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	673/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.800		1.000	1.000		1.000	
13	Đường ĐX.07 (đoạn từ Đường ĐX.06 đến Đường Đê), xã Bình Khánh	7870792	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	674/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	8.231		1.400	1.400		1.400	
14	Đường ĐX.05 (đoạn từ tuyến tránh QL.60 đến giáp ranh xã Hòa Lộc), xã Tân Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Tân Hội	cấp A	2024-2026		12.055	9.644	5.000	2.800		2.800	
15	Đường ĐA.01 (đoạn từ QL.57 đến giáp ranh xã Hòa Lộc), xã Tân Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Tân Hội	cấp B	2024-2026		9.955	4.978	4.978	2.402		2.402	
16	Đường ĐX.04 (đoạn từ HL.17 đến Kênh đồng), xã Thành Thới B		UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới B	cấp B	2024-2026		14.995	11.996	7.000	2.900		2.900	
17	Nhà Văn Hóa xã Thành Thới B		UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới B		2024-2026		5.120	3.584	3.584	2.100		2.100	
18	Xây dựng đường ĐX.04 (đoạn từ đường dẫn vào cầu Cổ Chiên (QL.60 mới) đến HL.17), xã Thành Thới A		UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới A	cấp A	2024-2026		14.000	11.200	6.000	3.600		3.600	
19	Đường từ QL.57 đến cầu Phước Đa (ĐX.03), xã Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	cấp A	2024-2026		3.600	2.880	2.880	2.000		2.000	
20	Đường ĐA.01 (đoạn từ đường tránh QL.60 đến giáp cầu Cây Dương), xã Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	cấp B	2024-2026		14.995	7.498	4.000	2.000		2.000	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
21	Nhà văn hóa xã Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cây Nam	xã Đa Phước Hội	Xây dựng Hội trường VH	2024-2026		4.200	2.940	2.940	2.000		2.000	
22	Xây dựng đường ĐH.DK.43 (đoạn từ QL.57 đến QL.60 mới)		UBND huyện Mô Cây Nam	huyện Mô Cây Nam		2025-2027		47.000	23.500	10.000	1.000		1.000	
23	Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Mô Cây Nam		UBND huyện Mô Cây Nam	huyện Mô Cây Nam		2025-2027		12.000	6.000	2.000	1.400		1.400	
IV	Huyện Thạnh Phú							71.640	52.209	48.959	47.192	20.860	26.332	
1	Xây dựng Đường ĐA.01 (từ HL.24 đến đường ĐX.01), xã Tân Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong	cấp B	2021-2023	762/QĐ-SGTVT, 22/12/2020	6.126	4.288	4.288	4.227	2.100	2.127	
2	Xây dựng Đường ĐA.03 (từ QL.57 đến đường ĐA.04), xã Tân Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong	cấp B	2021-2023	154/QĐ-SGTVT, 24/3/2021	4.600	3.220	3.220	3.220	1.600	1.620	
3	Xây dựng Đường ĐA.04 (từ đường ĐX.03 đến giáp ranh xã Hương Mỹ), xã Tân Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong	cấp B	2021-2023	155/QĐ-SGTVT, 24/3/2021	7.261	5.083	5.083	5.083	2.500	2.583	
4	Xây dựng đường ĐC.08 (từ nhà ông Nguyễn Thanh Hải đến nhà bà Huỳnh Thị Lộc), xã Tân Phong		UBND xã Tân Phong	xã Tân Phong	cấp C	2021-2023	114/QĐ-UBND, 08/10/2020	2.200	660	660	660	660		
5	Nhà văn hóa xã Tân Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong	Cải tạo Nhà văn hóa xã và xây dựng các phòng chức năng	2021-2023	439/QĐ-SXD, 13/11/2020	3.000	2.400	2.400	2.400	1.500	900	
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01, ĐX.02 (đoạn từ ngã ba Bồn Bồn đến hết tuyến ĐX.02), xã Thạnh Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Thạnh Phong	cấp A	2021-2023	2987/QĐ-UBND, 13/11/2020	15.300	13.770	13.770	13.000	3.500	9.500	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
7	Sửa chữa nhà tránh bão thành Nhà văn hóa xã Thạnh Phong		UBND huyện Thạnh Phú	xã Thạnh Phong	Sửa chữa nhà tránh bão thành nhà văn hóa xã, xây các phòng chức năng	2021-2023	440/QĐ-SXD, 13/11/2020	4.500	3.600	3.600	3.600	2.500	1.100	
8	Mở rộng mạng lưới cấp nước của nhà máy nước Thạnh Phú		Trung tâm NS & VSMTNT	xã Thạnh Phong	tuyến ống khoảng 29,8 km	2021-2023	404/QĐ-SXD, 09/11/2020	8.253	7.428	7.428	7.428	3.500	3.928	
9	Mở rộng tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hòa Lợi, xã Hòa Lợi		Trung tâm NS & VSMTNT	xã Hòa Lợi	tuyến ống khoảng 20km	2022-2023	219/QĐ-SXD, 17/12/2021	3.900	3.510	3.510	3.510	3.000	510	
10	Nâng cấp mở rộng huyện lộ 27 (đoạn từ Quốc Lộ 57 đến sông Cỏ Chiên)		UBND huyện Thạnh Phú	huyện Thạnh Phú		2024-2026		16.500	8.250	5.000	4.064		4.064	
V	Huyện Châu Thành							285.980	218.921	183.295	149.904	47.881	102.023	
1	Đường ĐX.03 (từ cổng văn hóa ấp An Thạnh – đến Lộ Sông Tiền), xã An Khánh		UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh	cấp B	2021-2023	440/QĐ-SGTVT, 20/8/2021	6.100	5.490	5.490	5.400	3.000	2.400	
2	Đường ĐX.04 cổng ấp văn hóa ấp An Mỹ – An Thới A (từ QL.57B - đến ĐX.01), xã An Khánh		UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh	cấp B	2021-2023	422/QĐ-SGTVT, 12/8/2021	7.980	7.182	7.182	6.800	2.800	4.000	
3	Đường ĐA.04, lộ chùa ấp Phước Tự (từ QL.57B – đến ĐX.02), xã An Khánh		UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh	cấp B	2021-2023	502/QĐ-SGTVT, 20/9/2021	2.200	1.540	1.540	1.400	800	600	
4	Đường ĐA.05 cổng ấp văn hóa ấp Phước Xuân (từ QL.57B - đến ĐX.02), xã An Khánh		UBND xã An Khánh	Xã An Khánh	cấp B	2021-2023	242/QĐ-UBND, 31/12/2020; 406/QĐ-UBND, 15/12/2021	1.234	864	864	800	500	300	
5	Xây dựng Hội trường đa năng xã An Khánh		UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2021-2023	127/QĐ-SXD, 30/6/2021	3.500	2.800	2.800	2.800	1.200	1.600	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
6	Đường ĐX.02 (từ giáp QL.57C - đến giáp ĐX.01), xã Sơn Hòa		UBND huyện Châu Thành	Xã Sơn Hòa	cấp A	2021-2023	385/QĐ-SGTVT, 22/7/2021	7.800	7.020	7.020	7.000	5.300	1.700	
7	Cải tạo, sửa chữa Trường Mẫu Giáo cũ thành Nhà văn hóa xã và các phòng chức năng, xã Sơn Hòa		UBND huyện Châu Thành	Xã Sơn Hòa		2021-2023	133/QĐ-SXD, 30/6/2021	1.500	1.200	1.200	1.200	1.050	150	
8	Đường ĐX.03 (từ QL.60 cũ - đến ĐA.02), xã Tam Phước		UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước	cấp B	2021-2023	474/QĐ-SGTVT, 10/9/2021	12.700	11.430	11.430	10.600	4.100	6.500	
9	Đường ĐX.05 (từ cầu kênh Sông Mã - đến giáp xã Sơn Đông), xã Tam Phước		UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước	cấp B	2021-2023	512/QĐ-SGTVT, 24/9/2021	6.886	6.197	6.197	5.700	2.200	3.500	
10	Đường ĐA.07 (từ ĐH.01 - đến giáp ĐX.01), xã Tam Phước		UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước	cấp B	2021-2023	503/QĐ-SGTVT, 20/9/2021	2.300	1.610	1.610	1.600	800	800	
11	Xây mới Hội trường văn hóa đa năng xã Tam Phước		UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước		2021-2023	132/QĐ-SXD, 30/6/2021	3.500	2.800	2.800	2.800	1.200	1.600	
12	Đường ĐX.01 (từ QL.57B - đến giáp ĐX.03), xã Tân Phú		UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	cấp B	2021-2023	505/QĐ-SGTVT, 22/9/2021	11.900	10.710	10.710	10.700	2.600	8.100	
13	Đường ĐX.02 (điểm đầu nhà Ông Sáu Em áp Tân Qui - điểm cuối giáp cầu Ông Nguyễn Hữu Hiệu áp Hàm Luông), xã Tân Phú		UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	cấp B	2021-2023	475/QĐ-SGTVT, 10/9/2021	7.773	6.996	6.996	6.500	2.000	4.500	
14	Đường ĐA.02 (từ QL.57B - đến giáp xã Tiên Long), xã Tân Phú		UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	cấp B	2021-2023	478/QĐ-SGTVT, 10/9/2021	5.100	3.570	3.570	3.400	1.400	2.000	
15	Đường ĐA.04 (từ ĐH.DK19 - đến giáp ĐA.03), xã Tân Phú		UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	cấp B	2021-2023	471/QĐ-SGTVT, 08/9/2021	6.759	4.731	4.731	4.500	1.500	3.000	
16	Đường ĐA.06 (từ QL.57B - đến giáp ĐX.01), xã Tân Phú		UBND xã Tân Phú	xã Tân Phú	cấp B	2021-2023	338/QĐ-UBND, 31/12/2020	2.281	1.597	1.597	1.500	800	700	
17	Đường ĐX.05 (Điểm đầu từ QL.57C đến giáp ranh xã Sơn Hòa), xã An Hiệp		UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp	cấp B	2021-2023	254/QĐ-SGTVT, 17/5/2021	11.757	10.581	10.581	10.000	3.000	7.000	
18	Đường ĐX 06 (Điểm đầu từ QL.57C điểm cuối đến giáp công Cà Quảng), xã An Hiệp		UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp	cấp B	2021-2023	345/QĐ-SGTVT, 06/7/2021	8.250	7.425	7.425	6.900	2.400	4.500	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
19	Đường ĐA.02 (Điểm đầu QL.57C điểm cuối giáp ĐA.07), xã An Hiệp		UBND xã An Hiệp	xã An Hiệp	cấp B	2021-2023	94/QĐ-UBND, 15/10/2020	1.846	1.292	1.292	1.200	700	500	
20	Đường ĐA.05 (Điểm đầu lộ Thành An đến giáp ĐX.06), xã An Hiệp		UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp	cấp B	2012-2023	253/QĐ-SGTVT, 17/5/2021	3.187	2.231	2.231	2.100	1.100	1.000	
21	Xây dựng hội trường văn hóa xã An Hiệp		UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp		2021-2023	419/QĐ-SXD, 13/11/2020	3.500	2.800	2.800	2.700	1.100	1.600	
22	Đường ĐX.01 Lộ Điệp (từ QL.57B đến giáp ĐH.04), xã Phú An Hòa		UBND huyện Châu Thành	xã Phú An Hòa	cấp A	2021-2023	446/QĐ-SGTVT, 25/8/2021	4.718	4.246	4.246	4.200	1.500	2.700	
23	Đường ĐX.03 Lộ Cầu Quao (Đoạn 1 từ QL.57B – đến giáp ĐX.02; đoạn 2 từ ĐX.02 đến giáp ĐH.04), xã Phú An Hòa		UBND huyện Châu Thành	xã Phú An Hòa	cấp B	2021-2023	448/QĐ-SGTVT, 25/8/2021	12.245	11.021	11.021	10.000	3.500	6.500	
24	Đường ĐA.02 đường Trụ sở ấp Phước Hoà (từ ĐH.04 – đến giáp ĐX.02), xã Phú An Hòa		UBND xã Phú An Hòa	xã Phú An Hòa	cấp B	2021-2023	175/QĐ-UBND, 30/12/2020; 476/QĐ-UBND, 17/12/2021	2.860	2.002	1.882	2.000	800	1.200	
25	Đường ĐA.06 (từ QL.57B – đến giáp ĐX.02), xã Phú An Hòa		UBND xã Phú An Hòa	xã Phú An Hòa	cấp B	2021-2022	177/QĐ-UBND, 30/12/2020; 477/QĐ-UBND, 17/12/2021	1.219	853	853	850	500	350	
26	Đường ĐA.07 (từ giáp ĐH.04 - đến giáp ĐX.02), xã Phú An Hòa		UBND xã Phú An Hòa	xã Phú An Hòa	cấp B	2021-2023	181/QĐ-UBND, 30/12/2020; 478/QĐ-UBND, 17/12/2021	2.214	1.550	1.550	1.550	700	850	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
27	Đường ĐC.05 (từ Lộ ngang - đến giáp ĐA.02), xã Phú An Hòa		UBND xã Phú An Hòa	xã Phú An Hòa	cấp C	2021-2022	176/QĐ-UBND, 30/12/2020; 481/QĐ-UBND, 17/12/2021	1.171	351	351	331	331		
28	Xây mới Hội trường văn hóa đa năng xã Phú An Hòa		UBND huyện Châu Thành	xã Phú An Hòa		2021-2023	129/QĐ-SXD, 30/6/2021	3.500	2.800	2.800	2.700	1.000	1.700	
29	Đường ĐX.03 (Từ giáp QL.57C đến giáp Lộ Thợ xã Thành Triệu), xã Quới Thành		UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành	Cấp A	2024-2026		9.810	7.848	5.000	2.000		2.000	
30	Nâng cấp mở rộng Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.01 đến giáp QL.57C), xã Quới Thành		UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành	Cấp A	2024-2026		14.000	11.200	5.000	2.500		2.500	
31	Trung tâm thể thao nhà văn hóa xã Quới Thành		UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành		2024-2026		3.500	2.450	2.450	1.000		1.000	
32	Đường ĐX.03 (Từ ranh xã Tiên Thủy đến giáp nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1), xã Tiên Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long	Cấp A	2024-2026		12.889	10.311	6.000	2.500		2.500	
33	Đường ĐA.01 (Từ giáp ĐX.01 đến giáp rạch Cái Cam xã Tiên Thủy), xã Tiên Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long	Cấp B	2024-2026		6.183	3.092	2.000	1.000		1.000	
34	Đường ĐX.04 (từ nhà văn hóa ấp Tiên Phú 1 đến ĐH.DK.19), xã Tiên Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long, Tân Phú	Cấp A	2024-2026		14.997	11.998	4.000	2.907		2.907	
35	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Tiên Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2024-2026		3.500	2.450	2.450	1.500		1.500	
36	Đường ĐX.03 (Đoạn từ cầu Miếu đến cầu Ông Bảy Tỳ), xã Phước Thạnh		UBND Xã Phước Thạnh	Xã Phước Thạnh	Cấp B	2024-2026		2.113	1.690	1.690	1.200		1.200	
37	Đường ĐA.03, đường liên ấp Phước Thiện - Phước Định (Từ giáp ĐA.01 đến giáp ĐX.01 và nhánh rẽ ra Trường Mầm non Trần Văn Ôn), xã Phước Thạnh		UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh	Cấp B	2024-2026		13.686	6.843	4.000	2.000		2.000	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
38	Đường ĐX.05 (Từ ĐH.03 đến giáp cầu Đức), xã Giao Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long	Cấp A	2024-2026		5.797	4.638	3.000	1.500		1.500	
39	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Giao Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long		2024-2026		3.500	2.450	2.450	1.000		1.000	
40	Đường ĐX.06 (Từ ĐH.03 đến giáp ĐH.DK.13), xã Giao Long		UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long	Cấp A	2024-2026		8.250	6.600	4.000	2.000		2.000	
41	Đường ĐX.03 (Từ giáp ĐX.07 đến giáp QL.57C), xã Tiên Thủy		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên thủy	Cấp A	2024-2026		10.623	8.498	4.000	2.000		2.000	
42	Đường ĐA.04 (Từ giáp QL.57C đến), xã Tiên Thủy		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên thủy	Cấp B	2024-2026		5.444	2.722	2.722	1.000		1.000	
43	Nhà văn hóa xã Tiên Thủy		UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Thủy	Sửa chữa hội trường, xây dựng 5 phòng chức năng	2023-2025		1.300	910	910	900		900	
44	Đường ĐA.04 (Điểm đầu giáp QL.57B, điểm cuối giáp Sông Tiên), xã Phú Đức		UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức	Cấp B	2024-2026		6.956	3.478	2.000	1.300		1.300	
45	Đường ĐC.08 (đoạn từ cầu Cồn Dơi, ấp Phú Ninh đến tổ 9 ấp Phú Hội), Xã Phú Đức		UBND xã Phú Đức	Xã Phú Đức	Cấp C	2023-2025		2.600	780	780	780		780	
46	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Phú Đức		UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức	Xây dựng hội trường văn hóa đa năng xã	2024-2026		3.500	2.450	2.450	1.000		1.000	
47	Đường ĐA.02 (Từ giáp cầu chùa Tân Khánh đến giáp ĐX.02), xã Tân Thạch		UBND xã Tân Thạch	Xã Tân Thạch	Cấp B	2024-2026		4.076	2.038	2.038	1.000		1.000	
48	Đường ĐA.06, giai đoạn 2 (Đoạn từ giáp ĐA.06, giai đoạn 1 đến giáp QL.57B), xã Tân Thạch		UBND xã Tân Thạch	Xã Tân Thạch	Cấp B	2023-2025		1.600	800	800	800		800	
49	Đường ĐA.07 (từ giáp ĐX.02 đến giáp ĐC.08), xã Tân Thạch		UBND xã Tân Thạch	Xã Tân Thạch	Cấp B	2023-2025		1.892	946	946	946		946	



STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
50	Nhà văn hóa xã Tân Thạch		UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Thạch	Sửa chữa hội trường văn hóa, xây dựng 5 phòng CN	2024-2026		1.300	910	910	910		910	
51	Đường ĐA.09 (Từ ĐA.05 đến giáp ĐA.07), xã An Hiệp		UBND xã An Hiệp	Xã An Hiệp	Cấp B	2023-2025		924	462	462	462		462	
52	Đường ĐC.09 (Từ ĐH.01 đến giáp ranh xã Sơn Đông), xã Tam Phước		UBND Xã Tam Phước	Xã Tam Phước	Cấp C	2023-2025		1.560	468	468	468		468	
VI	Huyện Bình Đại							166.767	141.783	140.583	127.696	23.426	104.270	
1	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hệ thống thoát nước đường ĐX.01, xã Lộc Thuận		UBND huyện Bình Đại	xã Lộc Thuận	cấp A	2021-2023	631/QĐ-SGTVT, 10/11/2020	10.000	9.000	9.000	8.900	2.100	6.800	
2	Đường ĐX.03 liên xã Phú Vang - Lộc Thuận - Định Trung (đoạn từ Cầu Treo đến sông Cà Cao), xã Lộc Thuận		UBND huyện Bình Đại	xã Lộc Thuận	cấp A	2021-2023	2895/QĐ-UBND, 05/11/2020	49.820	44.838	44.838	41.700	4.700	37.000	
3	Đường ĐC.01 (Từ giáp đường Xóm Đùi đến giáp nhà ông Lê Văn Phê) ấp Lộc Sơn, xã Lộc Thuận		UBND xã Lộc Thuận	xã Lộc Thuận	cấp D	2022	51/QĐ-UBND, 22/10/2020	420	126	126	126	126		
4	Xây dựng mới Hội trường đa năng và các phòng chức năng xã Lộc Thuận		UBND huyện Bình Đại	xã Lộc Thuận		2021-2023	426/QĐ-SXD, 13/11/2020	3.000	2.400	2.400	2.400	1.400	1.000	
5	Nâng cấp, mở rộng và xây mới đường ĐX.05 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đê sông Tiền), xã Long Định		UBND huyện Bình Đại	xã Long Định	cấp A	2021- 2023	654/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	8.500	7.650	7.650	7.650	6.800	850	
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐX.01 đến ĐX.04), xã Vang Quới Tây		UBND huyện Bình Đại	xã Vang Quới Tây	cấp A	2022- 2024	2257/QĐ-UBND, 23/9/2021	25.000	22.500	22.500	22.300	5.300	17.000	
7	Xây dựng Hội trường văn hóa đa năng xã Vang Quới Tây		UBND huyện Bình Đại	xã Vang Quới Tây		2022- 2024	171/QĐ-SXD, 14/10/2021	3.000	2.400	2.400	2.400	1.500	900	
8	Hỗ trợ gia cố mặt đê sông Tiền (đoạn qua xã Vang Quới Tây, từ ngã ba Ông Táo đến giáp ranh xã Vang Quới Đông)		UBND huyện Bình Đại	xã Vang Quới Tây		2022- 2024	444/QĐ-SGTVT, 25/8/2021	3.000	2.700	2.700	2.700	1.500	1.200	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
9	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.04 (đoạn từ giáp xã Thới Lai đến Đường liên xã Đông Tây), xã Vang Quới Tây		UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Tây	cấp A	2022-2024	460/QĐ-SGTVT, 01/9/2021	13.500	10.800	10.800	9.000		9.000	
10	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đường ĐH.07), xã Bình Thới		UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thới	cấp A	2024-2026		7.000	5.600	5.600	5.600		5.600	
11	Đường ĐX .09 (đoạn từ ĐH.08 đến giáp đường Bắc - Nam), xã Bình Thới		UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thới	cấp A	2024-2026		4.000	3.200	3.200	3.200		3.200	
12	Đường ĐX.06 (đoạn từ cầu treo xã Định Trung đến cầu Bình Trung) xã Định Trung, giai đoạn 1		UBND huyện Bình Đại	Xã Định Trung	cấp A	2024-2026		25.000	20.000	20.000	14.420		14.420	
13	Nhà văn hoá xã Bình Thới		UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thới	sửa chữa NVH xã, xây dựng 05 phòng chức năng, các HMP	2024-2026		5.774	4.042	4.042	3.000		3.000	
14	Nhà văn hóa xã Định Trung		UBND huyện Bình Đại	Xã Định Trung	sửa chữa hội trường xã thành NVH xã, xây dựng 05 PCN	2023-2025		4.753	3.327	3.327	2.300		2.300	
15	Đường ĐX.02 (từ bến dò Long Định đến ĐX.01), xã Tam Hiệp		UBND huyện Bình Đại	Xã Tam Hiệp		2024-2026		4.000	3.200	2.000	2.000		2.000	
VI	Huyện Ba Tri							97.417	80.028	77.828	69.478	23.650	45.828	
1	Đường ĐX.02 (Đoạn từ HL.12 đến giáp ranh xã An Ngãi Trung), xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh	cấp A	2021-2023	559/QĐ-SGTVT, 30/9/2020	9.433	8.490	8.490	7.528	1.400	6.128	
2	Nâng cấp, mở rộng và hệ thống cống dọc Đường ĐX.03 (Đoạn từ HL.12 đến giáp ranh xã Mỹ Nhơn), xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh	cấp A	2021-2023	528/QĐ-SGTVT, 22/9/2020	4.786	4.307	4.307	4.307	700	3.607	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Đường ĐX.04 (Đoạn từ HL.12 đến giáp ranh xã Mỹ Chánh), xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh	cấp A	2021-2023	2655/QĐ-UBND, 15/10/2020	25.188	22.669	22.669	19.900	2.900	17.000	
4	Đường ĐX.05 (đoạn từ ĐX.02 đến ĐX.03), xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh	cấp A	2021-2023	408/QĐ-SGTVT, 05/8/2021	6.870	6.183	6.183	6.183	1.000	5.183	
5	Xây dựng Đường ĐA.02; ĐA.03 và ĐA.04, xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh	cấp B	2021-2023	406/QĐ-SGTVT, 05/8/2021	10.830	7.581	7.581	6.600	1.600	5.000	
6	Xây dựng Hội trường đa năng và các phòng chức năng xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri		UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh		2021-2023	424/QĐ-SXD, 13/11/2020	5.110	4.088	4.088	3.750	750	3.000	
7	Cải tạo, nâng cấp Đường ĐX.03 (đoạn từ HL.14 đến Đường ĐX 01), xã Phú Lễ		UBND huyện Ba Tri	xã Phú Lễ	Cấp A	2021-2023	368/QĐ-SGTVT, 14/7/2021	14.000	12.600	12.600	11.300	8.300	3.000	
8	Nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước, bó vỉa Đường ĐX.02 (từ HL.01 đến giáp ranh xã Mỹ Thạnh), xã An Bình Tây		UBND huyện Ba Tri	xã An Bình Tây	cấp A	2021-2023	310/QĐ-SGTVT, 21/6/2021, 488/QĐ-SGTVT, 15/7/2022	14.700	8.910	8.910	8.910	7.000	1.910	NSTW hỗ trợ 8,91 tỷ, còn lại NSĐP và nhân dân góp
9	Đường ĐX.03 (Từ ĐH.DK.01 đến ĐA.03), xã Phước Ngãi		UBND huyện Ba Tri	xã Phước Ngãi	cấp A	2025-2027		6.500	5.200	3.000	1.000		1.000	
VII	Huyện Giồng Trôm							266.948	189.709	180.308	169.336	37.878	131.458	
1	Đường liên tổ NDTQ số 4-7-18 ấp 3 (ĐC.09) (từ cầu ông Mai Văn Biền đến nhà ông Lê Văn Góp), xã Thạnh Phú Đông		UBND huyện Giồng Trôm	xã Thạnh Phú Đông	cấp C	2021-2023	216/QĐ-SGTVT, 20/4/2021	1.200	840	840	840	600	240	
2	Đường liên tổ NDTQ số 2-12-13 ấp 3 (ĐN.06) (từ nhà ông Nguyễn Văn Dứt đến nhà ông Huỳnh Văn Dũng), xã Thạnh Phú Đông		UBND xã Thạnh Phú Đông	xã Thạnh Phú Đông	cấp D	2021-2023	359/QĐ-UBND, 30/10/2020	578	173	173	173	173	0	
3	Đường liên ấp 5-7 (ĐC.05) (Đoạn từ Quốc lộ 57C đến tiếp giáp đường ĐX.02), xã Sơn Phú		UBND huyện Giồng Trôm	xã Sơn Phú	cấp C	2021-2023	217/QĐ-SGTVT, 20/4/2021	5.200	3.640	3.640	3.640	1.500	2.140	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Đường ấp 8 đi xã Nhơn Thạnh (ĐC.06) (Đoạn từ Quốc lộ 57C đến giáp xã Nhơn Thạnh), xã Sơn Phú		UBND huyện Giồng Trôm	xã Sơn Phú	cấp C	2021-2023	268/QĐ-SGTVT, 24/5/2021	4.900	3.430	3.430	3.430	1.500	1.930	
5	Đường trục chính ấp 5 (ĐC.07) (Đoạn từ ĐX.02 đến giáp sông Hàm Luông), xã Sơn Phú		UBND xã Sơn Phú	xã Sơn Phú	cấp C	2021-2023	342/QĐ-UBND, 05/10/2020	2.984	2.089	2.089	2.089	1.200	889	
6	Đường trục chính ấp 7 (ĐC.08) (Đoạn từ Quốc lộ 57C đến giáp xã Thuận Điền), xã Sơn Phú		UBND xã Sơn Phú	xã Sơn Phú	cấp C	2021-2023	341/QĐ-UBND, 05/10/2020	3.070	2.149	2.149	2.149	1.200	949	
7	Xây dựng mạng tuyến ống phân phối cấp nước khu vực cù lao Long Thành, xã Sơn Phú và Hưng Phong, huyện Giồng Trôm		Trung tâm NSVSMT	xã Sơn Phú và Hưng Phong		2022-2024	229/QĐ-SXD, 31/12/2021	8.918	8.026	8.026	8.026	2.900	5.126	
8	Đường ĐX.05 (Đường cầu bia Sài Gòn) (từ ĐH.DK.30 đến nhà ông Lũy), xã Hưng Lễ		UBND huyện Giồng Trôm	xã Hưng Lễ	cấp B	2021-2023	329/QĐ-SGTVT, 29/6/2021	7.137	6.423	6.423	6.423	3.600	2.823	
9	Đường ĐX.06 (từ ĐX.02 đến cầu Mười Thảo), xã Hưng Lễ		UBND huyện Giồng Trôm	xã Hưng Lễ	cấp B	2021-2023	78/QĐ-SGTVT, 26/01/2021	7.067	6.360	6.360	6.360	3.700	2.660	
10	Đường ĐC.03 (đường sông Miếu Ông ấp 10) (từ ĐX.03 đến sông Miếu Ông), xã Hưng Lễ		UBND xã Hưng Lễ	xã Hưng Lễ	cấp C	2021-2023	230/QĐ-UBND, 29/10/2020, 598/QĐ-UBND, 31/8/2022	1.014	710	710	710	450	260	
11	Đường ĐC.04 (Đường trung tâm ấp 10) (từ ĐX.01 đến nhà ông Phú), xã Hưng Lễ		UBND xã Hưng Lễ	xã Hưng Lễ	cấp C	2021-2023	231/QĐ-UBND, 29/10/2020, 599/QĐ-UBND, 31/8/2022	1.300	910	910	910	600	310	
12	Nâng cấp, mở rộng Đường vào trung tâm xã Bình Thành (ĐX.01) (đoạn từ cống Bình Đông đến cầu ấp Bình Đông), xã Bình Thành		UBND huyện Giồng Trôm	xã Bình Thành	cấp A	2021-2023	172/QĐ-SGTVT, 30/3/2021	4.500	4.050	4.050	4.050	3.000	1.050	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
13	Đường ĐA.05 (đoạn từ Cầu tổ 10 ấp Cái Chốt đến Tổ 3 ấp Cái Tắc), xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Giồng Trôm	xã Mỹ Thạnh	cấp C	2021-2023	558/QĐ-SGTVT, 13/10/2021	9.000	6.300	6.300	6.300	4.500	1.800	
14	Đường liên ấp Bến Đò - Cái Chốt (ĐA.06), đoạn từ đường liên xã Mỹ Thạnh-Thuận Điền đến trường Mầm non ấp 6 Cái Tắc, xã Mỹ Thạnh		UBND xã Mỹ Thạnh	xã Mỹ Thạnh	cấp C	2021-2023	213/QĐ-UBND, 29/12/2020, 558/QĐ-UBND, 26/8/2022	1.697	1.188	1.188	1.188	705	483	
15	Cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng, xã Mỹ Thạnh		UBND huyện Giồng Trôm	xã Mỹ Thạnh		2021-2023	143/QĐ-SXD, 19/8/2021	3.000	2.400	2.400	2.400	2.100	300	
16	Đường ĐA.04 (đoạn từ đường Kỳ Lục đến đường Đê Quốc Phòng), xã Châu Bình		UBND huyện Giồng Trôm	xã Châu Bình	cấp C	2021-2023	617/QĐ-SGTVT, 9/11/2021	5.922	4.145	4.145	4.145	2.700	1.445	
17	Đường ĐX.01 (đoạn từ HL.11 đến QL.57C), xã Tân Hào		UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào	cấp A	2021-2023	560/QĐ-SGTVT, 13/10/2021	5.775	5.198	5.198	5.198	4.600	598	
18	Đường ĐA.03 (đoạn từ QL.57C đến ĐA.01), xã Tân Hào		UBND xã Tân Hào	xã Tân Hào	cấp C	2021-2023	357/QĐ-UBND, 31/12/2020, 577/QĐ-UBND, 30/8/2022	2.417	1.692	1.692	1.692	1.000	692	
19	Cải tạo Hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng, xã Tân Hào		UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào		2021-2023	114/QĐ-SXD, 09/6/2021	2.669	2.135	2.135	2.135	1.850	285	
20	Đường ĐA.06, ĐA.07, xã Thuận Điền		UBND huyện	Xã Thuận Điền	Cấp C	2023-2025		4.500	2.250	2.250	2.250		2.250	
21	Đường ĐC.01 (Đoạn từ ngã 4 Bảy Xuyên đến Cầu Chử A ấp Lương Quới), xã Lương Phú		UBND huyện	Xã Lương Phú	cấp C	2023-2025		4.000	2.000	2.000	2.000		2.000	
22	Đường ĐA.01, ĐA.04 xã Lương Quới		UBND huyện	Xã Lương Quới	Cấp C	2023-2024		2.500	1.250	1.250	1.250		1.250	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
23	Đường ĐX.01 (liên xã Phong Năm- Châu Hòa), xã Phong Năm		UBND huyện	xã Phong Năm	Cấp A	2023-2025		26.000	20.800	20.800	20.800		20.800	
24	Đường ĐX.05, xã Phong Năm		UBND huyện	Xã Phong Năm	Cấp A	2024-2026		12.000	9.600	9.600	2.500		2.500	
25	Đường ĐA.06, ĐA. 07, ĐA.08, xã Long Mỹ		UBND huyện	Xã Long Mỹ	Cấp C	2023-2025		10.500	5.250	5.250	5.250		5.250	
26	Đường ĐC.02, ĐC.04, ĐC.05, xã Long Mỹ		UBND huyện	Xã Long Mỹ	Cấp D	2023-2025		5.000	1.500	1.500	1.500		1.500	
27	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Long Mỹ		UBND huyện	Xã Long Mỹ	Cải tạo Hội trường UBND xã thành HTVH xã, xây dựng các PCN, HMP	2023-2025		4.000	2.800	2.800	2.800		2.800	
28	Đường ĐX.01 (điểm đầu QL 57C- điểm cuối cầu Long Thuận, xã Thuận Điền); Đường ĐX.02 (điểm đầu nhà Út Mỹ- điểm cuối QL 57C), xã Phước Long		UBND huyện Giồng Trôm	Xã Phước Long	Cấp B	2023-2025		6.800	5.440	5.440	5.440		5.440	
29	Đường ĐX.04 (điểm đầu giáp với ĐX.05- điểm cuối ranh xã Tân Lợi Thạnh), xã Phước Long		UBND huyện Giồng Trôm	Xã Phước Long	Cấp B	2023-2025		7.200	5.760	5.760	5.760		5.760	
30	Đường ĐX.05 (điểm đầu cầu Rạch Heo- điểm cuối xã Long Mỹ), xã Phước Long		UBND huyện Giồng Trôm	Xã Phước Long	Cấp B	2023-2025		6.000	4.800	4.800	4.800		4.800	
31	Đường ĐA.09 (điểm đầu giáp ĐA.05- điểm cuối giáp xã Thuận Điền), xã Phước Long		UBND huyện	Xã Phước Long	Cấp C	2023-2025		2.200	1.100	1.100	1.100		1.100	
32	Đường ĐX.04 (từ ĐA.02 đến ĐT.DK04), xã Hưng Nhượng		UBND huyện	Xã Hưng Nhượng	Cấp B	2023-2025		4.000	3.200	3.200	3.200		3.200	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
33	Đường ĐA.06, xã Hưng Nhượng		UBND huyện	Xã Hưng Nhượng	Cấp B	2023-2025		18.000	9.000	9.000	9.000		9.000	
34	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Hưng Nhượng		UBND huyện	Xã Hưng Nhượng	Cải tạo Hội trường UBND xã thành HTVH xã, các PCN, HMP	2023-2025		4.000	2.800	2.800	2.800		2.800	
35	Đường ĐA.01, xã Lương Hòa		UBND huyện	Xã Lương Hòa	Cấp C	2023-2025		6.000	3.000	3.000	3.000		3.000	
36	Đường DX.02 (đường từ cầu Ba Vông đến lộ Thủ Ngừ), xã Lương Hòa		UBND huyện	Xã Lương Hòa	Cấp B	2023-2025		9.000	7.200	7.200	7.200		7.200	
37	Đường ĐX.02 (đoạn từ chùa Qui Thuận đến đường huyện 11), xã Tân Thanh		UBND huyện	Xã Tân Thanh	Cấp B	2023-2025		3.000	2.400	2.400	2.400		2.400	
38	Đường ĐX.03, xã Tân Thanh		UBND huyện	Xã Tân Thanh	Cấp B	2024-2026		18.000	14.400	8.000	6.000		6.000	
39	Đường ấp Tân Lợi (ĐA.01), xã Tân Thanh		UBND huyện	Xã Tân Thanh	Cấp C	2023-2025		7.800	3.900	3.900	3.900		3.900	
40	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Tân Thanh		UBND huyện	Xã Tân Thanh	Cải tạo Hội trường UBND xã thành HTVH xã, các PCN, HMP	2023-2025		4.000	2.800	2.800	2.800		2.800	
41	Đường ĐX.01 (đoạn từ cầu 30/4 đến ranh xã Phước Long), xã Tân Lợi Thạnh		UBND huyện	Xã Tân Lợi Thạnh	Cấp B	2023-2025		2.500	2.000	2.000	2.000		2.000	
42	Đường ĐX.02, xã Tân Lợi Thạnh		UBND huyện	Xã Tân Lợi Thạnh	Cấp B	2024-2026		10.000	8.000	5.000	3.128		3.128	
43	Đường ĐA.06, ĐA.12, ĐA.16, xã Tân Lợi Thạnh		UBND huyện	Xã Tân Lợi Thạnh	Cấp C	2023-2025		7.600	3.800	3.800	3.800		3.800	

STT	Tên dự án/công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
44	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã Tân Lợi Thạnh		UBND huyện	Xã Tân Lợi Thạnh	Cải tạo Hội trường UBND xã thành HTVH xã, các PCN, HMP	2023-2025		4.000	2.800	2.800	2.800		2.800	
VIII	Thành phố Bến Tre							32.333	16.656	16.656	16.656		16.656	
1	Đường ĐA.03 (Lộ BOT), xã Nhơn Thạnh		UBND Thành phố Bến Tre	xã Nhơn Thạnh	Cấp B	2023-2025		6.200	3.100	3.100	3.100		3.100	
2	Đường ĐA.12 (lộ liên tổ 6,7,8,9 ấp Phú Chánh), xã Phú Hưng		UBND Thành phố Bến Tre	xã Phú Hưng	Cấp B	2023-2025		2.350	1.175	1.175	1.175		1.175	
3	Đường ĐX.01 (đoạn từ QL.57C đến TL.883), xã Sơn Đông		UBND Thành phố Bến Tre	xã Sơn Đông	Cấp B	2023-2025		1.630	1.304	1.304	1.304		1.304	
4	Đường ĐA.06 (lộ tổ 5 ấp An Thạnh A), xã Mỹ Thạnh An		UBND Thành phố Bến Tre	xã Mỹ Thạnh An	Cấp B	2023-2025		4.750	2.375	2.375	2.375		2.375	
5	Đường ĐA.03.BP (Lộ 1A Bình Thạnh nối với lộ 5-6-7 ấp Phú Lợi), xã Bình Phú		UBND Thành phố Bến Tre	xã Bình Phú	Cấp B	2023-2025		11.282	5.641	5.641	5.641		5.641	
6	ĐA.11 (lộ tổ 11 ấp Phú Hữu), xã Phú Hưng, Phú Hưng		UBND Thành phố Bến Tre	xã Phú Hưng	Cấp B	2023-2025		4.550	2.275	2.275	2.275		2.275	
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐA.08 (lộ nhánh rẽ lộ Chùa), xã Phú Nhuận		UBND Thành phố Bến Tre	xã Phú Nhuận	Cấp B	2023-2025		1.571	786	786	786		786	

Ghi chú: đối với các công trình chưa có quyết định đầu tư thì tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế là tính toán sơ bộ, sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập BC kinh tế kỹ thuật.
BC nghiên cứu khả thi



Phụ lục III

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 19 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
TỔNG								400.644	358.542	7.397	363.151	334.507	130.041	204.466	
I	Huyện Thạnh Phú														
	Xã Mỹ An														
1	Đường ĐA.08 (từ ranh đất ông Trần Văn Công đến đường Biện Lễ), xã Mỹ An	C	UBND xã Mỹ An	Xã Mỹ An	Cấp B	2020-2022	88/QĐ-UBND, 20/7/2020; 69/QĐ-UBND, 04/5/2022	1.999	1.799	1.200	599	595	595	595	
2	Đường ĐA.05 (từ HL.92 đến trụ sở ấp Thạnh Mỹ), xã Mỹ An	C	UBND xã Mỹ An	Xã Mỹ An	Cấp B	2021-2023	141/QĐ-UBND, 11/12/2020	1.499	1.349		1.349	1.349	1.300	49	
3	Đường ĐA.05, xã Mỹ An (giai đoạn 2)	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ An	Cấp B	2022-2024	409/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	5.000	4.500		4.500	4.500	4.300	200	
27	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã thành nhà văn hóa xã Mỹ An	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ An	Nâng cấp, sửa chữa HT thành nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		2.143	1.500		1.500	1.500		1.500	
4	Đường ĐC.03 (Lộ Rạch Lò), ấp Thạnh Mỹ, xã Mỹ An	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ An	Cấp C	2023-2025		9.507	8.556		8.556	7.056		7.056	
	Xã Thạnh Hải														
1	Đường ĐC.06 (đường ra khu sản xuất Giồng Trong), từ đường Côn Bằng đến đất ông Phạm Văn Hải), xã Thạnh Hải	C	UBND xã Thạnh Hải	Xã Thạnh Hải	Cấp B	2021-2023	122/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.438	2.194		2.194	2.194	1.800	394	
2	Đường ĐX.01 (Đoạn từ ĐH.92 đến cổng Ông 3 Đông), xã Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Cấp A	2022-2024	411/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	4.800	4.320		4.320	4.320	3.500	820	
								18.301	15.291	-	15.291	15.000	5.300	9.700	



STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Đường ĐA.03 (từ ĐH.92 đến giáp sông), ấp Thạnh Thới Đông, xã Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Cấp B	2023-2025		2.663	2.397		2.397	2.397		2.397	
5	Xây dựng mới nhà văn hóa xã Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Xây dựng nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		5.900	4.130		4.130	4.130		4.130	
4	Đường ĐC.05 (từ đường ĐH.92 đến giáp sông), ấp Thạnh Hưng B, xã Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Cấp C	2023-2025		2.500	2.250		2.250	1.959		1.959	
Xã Bình Thạnh								19.300	17.370	-	17.370	15.000	2.198	12.802	
1	Đường ĐC.01 (từ nhà ông Bùi Văn Trung đến rạch Tân Dù), xã Bình Thạnh	C	UBND xã Bình Thạnh	Xã Bình Thạnh	Cấp C	2021-2022	198/QĐ-UBND, 27/11/2020	997	897		897	893	800	93	
2	Đường ĐC.02 (Đoạn từ cầu Mười Chùm đến đường ĐA.01), xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh	Cấp C	2022-2024	405/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	1.553	1.398		1.398	1.398	1.398		
3	Đường ĐA.03 (từ huyện lộ 25 đến QL 57), ấp Thạnh Lại, xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh	Cấp B	2023-2025		1.200	1.080		1.080	1.080		1.080	
4	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành nhà văn hóa xã và cải tạo, sửa chữa dãy nhà hiện hữu thành 05 phòng chức năng xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh		2023-2025	08/QĐ-SXD, 14/01/2022	3.000	2.700		2.700	2.700		2.700	
5	Đường ĐA.04 (từ ngã ba rạch cầu tre đến rạch Bến Mã), xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh	Cấp B	2023-2025		10.470	9.423		9.423	7.929		7.929	
6	Đường ĐN.07 (Đoạn từ ĐX.01 đến QL57), xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh	Cấp B	2023-2025		2.080	1.872		1.872	1.000		1.000	
Xã An Qui								17.380	15.642	-	15.642	15.000	4.503	10.497	
1	Đường ĐA.08 (đường Tổ NDTQ số 1), xã An Qui	C	UBND xã An Qui	Xã An Qui	Cấp C	2021-2023	140/QĐ-UBND, 10/12/2020	3.091	2.782		2.782	2.782	2.550	232	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
2	Đường ĐA.09 (Đoạn từ HL.28 đến nhà ông Phạm Văn Hợp), xã An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Cấp B	2022-2024	404/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	2.170	1.953		1.953	1.953	1.953		
3	Đường ĐA.04 (Từ HL28 đến nhà bà Nguyễn Thị Hiếu), ấp An Huệ, xã An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Cấp B	2023-2025		5.196	4.676		4.676	4.500		4.500	
5	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã thành nhà văn hóa xã An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		2.143	1.929		1.929	1.929		1.929	
4	Đường ĐA.07 (Từ nhà bà Đào Thị Mến đến nhà ông Phạm Văn Đông), ấp An Ninh, xã An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Cấp B	2023-2025		4.780	4.302		4.302	3.836		3.836	
Xã An Điền								18.567	16.710	-	16.710	15.000	6.000	9.000	
1	Đường B11, ấp Giang Hà (từ HL.29 đến cầu Ba Sen), xã An Điền	C	UBND xã An Điền	Xã An Điền	Cấp B	2021-2023	144/QĐ-UBND, 10/12/2020	1.222	1.100		1.100	1.100	900	200	
2	Đường ĐA.11 (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Tiếp đến cầu Xéo Lớn), xã An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Điền	Cấp B	2022-2024	403/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	5.800	5.220		5.220	5.220	5.100	120	
3	Đường ĐA.07 (từ nhà ông Lê Văn Đi đến đường tôm lúa), ấp An Khương A, xã An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Điền	Cấp B	2023-2025		2.609	2.348		2.348	2.000		2.000	
4	Đường ĐA.03 (từ HL.92 đi tổ NDTQ số 13), ấp Giang Hà, xã An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Điền	Cấp B	2023-2025		7.036	6.332		6.332	6.000		6.000	
5	Đường nhánh rẽ ĐA.11, xã An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Điền	Cấp B	2023-2025		1.900	1.710		1.710	680		680	
Xã An Thuận								18.810	16.500		16.500	15.000	4.999	10.001	
1	Đường ĐC.04, xã An Thuận	C	UBND xã An Thuận	Xã An Thuận	Cấp C	2021-2022	209/QĐ-UBND, 10/12/2020	1.899	1.709		1.709	1.709	1.400	309	
2	Đường ĐC.09 (Đoạn từ đường ĐC.05 đến Rạch Ót), xã An Thuận	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Thuận	Cấp C	2022-2024	407/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	4.000	3.600		3.600	3.599	3.599		

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
5	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã thành nhà văn hóa xã An Thuận	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã An Thuận	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		2.143	1.500		1.500	1.500		1.500	
5	Đường DX.01 từ KM0+0000 đến KM1+000 (đoạn từ QL 57 hướng ra đê quốc phòng), xã An Thuận	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã An Thuận	Cấp A	2023-2025		2.519	2.267		2.267	2.200		2.200	
3	Đường ĐA.04 (từ cầu Kênh Triền đến đường ĐX.01), ấp An Điền, xã An Thuận	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã An Thuận	Cấp B	2023-2025		5.000	4.500		4.500	4.500		4.500	
4	Đường ĐA.05 (Từ đường HL27 đến đường ĐX.01), ấp An Hội A, xã An Thuận	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã An Thuận	Cấp B	2023-2025		3.249	2.924		2.924	1.492		1.492	
Xã An Thạnh								18.814	16.933	-	16.933	15.000	4.600	10.400	
1	Đường ĐX.02, Lộ Bờ Riều, (Đoạn từ ĐH.28 đến đường ĐX.03), xã An Thạnh	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã An Thạnh	Cấp A	2022-2024	406/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	5.700	5.130		5.130	5.130	4.600	530	
2	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã thành nhà văn hóa xã An Thạnh	C	UBND huyện Thanh Phú	xã An Thạnh	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		2.143	1.929		1.929	1.929		1.929	
3	Đường ĐA.04 (đường Lộ Lô), ấp AnThạnh, xã An Thạnh	C	UBND huyện Thanh Phú	xã An Thạnh	Cấp B	2023-2025		5.316	4.784		4.784	4.700		4.700	
4	Đường ĐA.01 (từ ĐT.DK.01 đến đường ĐX.01), ấp An Ngãi B, xã An Thạnh	C	UBND huyện Thanh Phú	xã An Thạnh	Cấp B	2023-2025		5.655	5.090		5.090	3.241		3.241	
Xã Mỹ Hưng								18.810	16.929	-	16.929	15.000	6.000	9.000	
1	Đường ĐA.01 (liên ấp 6-7-8), giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng	C	UBND huyện Thanh Phú	Xã Mỹ Hưng	Cấp B	2022-2024	408/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	10.930	9.837		9.837	9.837	6.000	3.837	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
2	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã thành nhà văn hóa xã Mỹ Hưng	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ Hưng	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành nhà văn hóa và các phòng chức năng	2023-2025		2.143	1.929		1.929	1.929		1.929	
3	Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giồng), ấp Thạnh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ Hưng	Cấp B	2023-2025		5.737	5.163		5.163	3.234		3.234	
II	Huyện Bình Đại							51.897	46.707	1.697	45.010	45.000	26.816	18.184	
	<i>Xã Vang Quới Đông</i>							<i>17.442</i>	<i>15.698</i>	<i>697</i>	<i>15.001</i>	<i>15.000</i>	<i>9.256</i>	<i>5.744</i>	
1	Đường 6/12 ấp Vinh Trung ĐC.05 (đoạn từ nhà bà Phan Thanh Loan đến nhà ông Ba Bò), xã Vang Quới Đông	C	UBND xã Vang Quới Đông	Xã Vang Quới Đông	Cấp C	2020-2022	167/QĐ-UBND, 19/12/2019; 409/QĐ-UBND, 29/4/2022	1.498	1.348	697	651	650	650	650	
2	Đường ĐC.06 (từ nhà Ông Võ Văn Tân đến Quốc lộ 57B), xã Vang Quới Đông	C	UBND xã Vang Quới Đông	Xã Vang Quới Đông	Cấp C	2021-2022	60/QĐ-UBND, 06/11/2020	2.094	1.885		1.885	1.885	1.500	385	
3	Gia cố mặt đê Sông Tiền, xã Vang Quới Đông	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Đông		2022-2024	414/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	10.500	9.450		9.450	9.450	7.106	2.344	
4	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Vinh Tân, Nhà văn hóa ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Đông	xây mới NVH ấp Vinh Tân, sửa chữa phòng học làm NVH ấp Vinh Xương	2023-2025		970	873		873	873		873	
5	Đường ĐA 05 (Đoạn từ nhà bà Bùi Thị Đồi đến giáp xã Thới Lai), xã Vang Quới Đông	C	UBND xã Vang Quới Đông	Xã Vang Quới Đông	cấp C	2023-2025		1.130	1.017		1.017	1.017		1.017	
6	Đường ĐA 02 (Đoạn từ ĐX 03 đến cầu Hai Chó), xã Vang Quới Đông	C	UBND xã Vang Quới Đông	Xã Vang Quới Đông	cấp C	2023-2025		1.250	1.125		1.125	1.125		1.125	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
	Xã Phú Long							17.788	16.009	1.000	15.009	15.000	7.960	7.040	
1	Đường nhà chung ĐC.01 (đoạn còn lại); điểm đầu đất Ông Nguyễn Văn Hoàng, điểm cuối nhà Ông Nguyễn Văn Sĩ, xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	Xã Phú Long	Cấp C	2020-2022	647/QĐ-UBND, 19/12/2019; 167/QĐ-UBND, 29/4/2022	1.999	1.799	1.000	799	790	790		
2	Đường ĐC.03 (từ đê Tây đến bến đò Rạch Gừa), xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	Xã Phú Long	Cấp C	2021-2022	33/QĐ-UBND, 28/7/2020	998	898		898	898	800	98	
3	Đường ĐC.05 (Đường vào trường Mẫu giáo Rạch Gừa), xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	Xã Phú Long	Cấp C	2021-2022	34/QĐ-UBND, 28/7/2020	450	405		405	405	370	35	
4	Đường ĐA07 (liên ấp Giồng Tre-Ao Vuông), xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long	Cấp B	2022-2024	391/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	8.500	7.650		7.650	7.650	6.000	1.650	
5	Đường liên ấp Giồng Kiến -Ao Vuông (ĐA 08), xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	Xã Phú Long	cấp B	2023-2025		3.650	3.285		3.285	3.285		3.285	
6	Đường Kênh 2/9 (ĐC 06), xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	Xã Phú Long	cấp C	2023-2025		2.191	1.972		1.972	1.972		1.972	
	Xã Đại Hòa Lộc							16.667	15.000		15.000	15.000	9.600	5.400	
1	Đường ĐN (Đường Đê Tây), xã Đại Hòa Lộc	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Đại Hòa Lộc	Cấp A	2022-2024	415/QĐ-SGTVT; 10/6/2022	8.000	7.200		7.200	7.200	5.500	1.700	
2	Đường ĐC.09, xã Đại Hòa Lộc	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Đại Hòa Lộc	Cấp C	2022-2024	392/QĐ-SGTVT; 09/6/2022	5.700	5.130		5.130	5.130	4.100	1.030	
3	Đường Đông ấp Mác Miếu (ĐA 06), xã Đại Hòa Lộc	C	UBND xã Đại Hòa Lộc	Xã Đại Hòa Lộc	Cấp B	2023-2025		2.967	2.670		2.670	2.670		2.670	
III	Huyện Ba Tri							173.617	156.255	4.500	151.755	135.000	57.989	77.011	
	Xã An Hiệp							19.566	17.609	1.000	16.609	15.000	6.109	8.891	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
1	Đường ĐA.08 (từ ĐX.05 đến nhà bà Nguyễn Thị Gọn), xã An Hiệp	C	UBND xã An Hiệp	Xã An Hiệp	Cấp C	2020-2022	202/QĐ-UBND, 20/12/2019; 100/QĐ-UBND, 29/4/2022	2.899	2.609	1.000	1.609	1.609	1.409	200	
2	Đường ĐC.09 (từ ĐX.02 đến nhà ông Phan Văn Phương), xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hiệp	Cấp C	2021-2022	611/QĐ-SGTVT, 29/10/2020; 355/QĐ-SGTVT, 8/7/2021	1.400	1.260		1.260	1.260	1.000	260	
3	Đường ĐA.06 (Đoạn từ đường ĐX.07 đến nhà ông Nguyễn Văn Năm), xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hiệp	Cấp B	2022-2024	413/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	5.000	4.500		4.500	4.500	3.700	800	
4	Đường ĐX.07 (Từ đường Chợ An Bình đến đường ĐA.06, ấp An Bình), ấp An Bình, xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Hiệp	Cấp B	2023-2025		8.370	7.533		7.533	5.924		5.924	
5	Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.08 (Từ ngã 3 An Điền Bè đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Hiệp	Cấp C	2023-2025		1.897	1.707		1.707	1.707		1.707	
Xã An Đức								19.359	17.423	1.450	15.973	15.000	7.049	7.951	
1	Đường ĐC.04, xã An Đức	C	UBND xã An Đức	Xã An Đức	Cấp C	2020-2022	135/QĐ-UBND, 20/12/2019; 114/QĐ-UBND, 28/4/2022	1.999	1.799	1.450	349	349	349		
2	Đường ĐA.03 (từ ĐX.02 đến Đặng Văn Mông, ấp Giồng Cốc), xã An Đức	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Đức	Cấp B	2021-2023	617/QĐ-SGTVT, 04/11/2020; 369/QĐ-SGTVT, 14/7/2021	2.560	2.304		2.304	2.304	1.900	404	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Đường ĐA.03 (Đoạn từ nhà Ông Đặng Văn Mông đến nhà Ông Nguyễn Hữu Trí), xã An Đức	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Đức	Cấp B	2022-2024	393/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	6.600	5.940		5.940	5.940	4.800	1.140	
4	Đường ĐA.08 (từ HL.14 đến khu dân cư An Đức), ấp Giồng Ké; Đường ĐA.09 (từ ĐX.03 đến ĐA.04), ấp Giồng Cà, xã An Đức	C	UBND huyện	xã An Đức	Cấp B	2023-2025		3.200	2.880		2.880	2.880		2.880	
5	Đường ĐX.03 (từ HL.14 đến đất ông Nguyễn Văn Năm), xã An Đức	C	UBND huyện	xã An Đức	Cấp A	2023-2025		5.000	4.500		4.500	3.527		3.527	
	Xã An Hòa Tây							18.340	16.506	700	15.806	15.000	4.858	10.142	
1	Đường ĐA.07 (từ ĐH.DK.03 đến ĐA.08), xã An Hòa Tây	C	UBND xã An Hòa Tây	Xã An Hòa Tây	Cấp C	2020-2022	355/QĐ-UBND, 20/12/2019; 37/QĐ-UBND, 28/4/2022	1.500	1.350	700	650	558	558		
2	Xây dựng cầu Giồng Bằng, xã An Hòa Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hòa Tây		2021-2022	616/QĐ-SGTVT, 04/11/2020; 374/QĐ-SGTVT, 16/7/2021	2.000	1.800		1.800	1.800	1.500	300	
3	Đường ĐA.01 (Đoạn từ ĐH.DK.01 đến giáp ranh xã Vĩnh An), xã An Hòa Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hòa Tây	Cấp B	2022-2024	397/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	3.840	3.456		3.456	3.456	2.800	656	
4	Đường ĐX.04 (đoạn từ ĐHDK.03 đến ĐX.03), xã An Hòa Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Hòa Tây	Cấp A	2023-2025		5.000	4.500		4.500	4.186		4.186	
5	Đường ĐA.08 (từ ĐH.16 đến ĐH.DK.01), ấp An Phú 2, xã An Hòa Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Hòa Tây	Cấp B	2023-2025		2.500	2.250		2.250	2.000		2.000	
6	Đường ĐN.04 (từ ĐH.DK.01 đến ĐA.05), ấp An Bình 1; Đường ĐN.09 (từ ĐH.DK.01 đến ĐH.16), ấp An Bình 2 - An Phú 2, xã An Hòa Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Hòa Tây	Cấp C	2023-2025		3.500	3.150		3.150	3.000		3.000	
	Xã An Ngãi Tây							23.584	21.226	1.350	19.876	15.000	6.773	8.227	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
1	Đường ĐN.06 (từ HL12 đến ĐH.DK.03), Xã An Ngãi Tây	C	UBND xã An Ngãi Tây	Xã An Ngãi Tây	Cấp C	2020-2022	109/QĐ-UBND, 27/12/2019; 17/QĐ-UBND, 29/4/2022	2.294	2.065	1.350	715	690	373	317	
2	Đường ĐA.04 (từ HL.12 đến ngã ba nhà ông Dương Văn Gấm), xã An Ngãi Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Ngãi Tây	Cấp B	2021-2022	618/QĐ-SGTVT, 04/11/2020; 373/QĐ-SGTVT, 16/7/2021	1.900	1.710		1.710	1.710	1.400	310	
3	Đường ĐN.03 (Đoạn từ ĐX.03 đến ĐN.07); Đường ĐN.07 (Đoạn từ ĐX.04 đến ĐN.03), xã An Ngãi Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Ngãi Tây	Cấp C	2022-2024	396/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	7.890	7.101		7.101	7.000	5.000	2.000	
4	Đường ĐA.05 (từ ĐA.04 đến ra cánh đồng), ấp An Hòa; Đường ĐA.06 (từ ranh xã An Ngãi Trung đến ra cánh đồng), ấp An Qui, xã An Ngãi Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Ngãi Tây	Cấp B	2023-2025		3.000	2.700		2.700	2.700		2.700	
5	Đường ĐX.04 (đoạn từ HL.12 đến giáp xã Tân Hưng), xã An Ngãi Tây, huyện Ba Tri	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Ngãi Tây	Cấp A	2023-2025		8.500	7.650		7.650	2.900		2.900	
Xã Bảo Thạnh								16.700	15.030		15.030	15.000	5.700	9.300	
1	Đường ĐA.03 (đoạn từ ĐH.16 đến ĐT.ĐK.02), ấp Thạnh Bình - Thạnh Thọ, xã Bảo Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Bảo Thạnh	Cấp B	2021-2023	612/QĐ-SGTVT, 30/10/2020; 357/QĐ-SGTVT, 8/7/2021	2.500	2.250		2.250	2.250	1.800	450	
2	Đường ĐX.05 (Đoạn từ ĐH.16 đến ĐH.DK.05), xã Bảo Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Bảo Thạnh	Cấp A	2022-2024	394/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	5.300	4.770		4.770	4.750	3.900	850	
3	Đường ĐA.03 (từ ĐX.04 đến cầu Rạch Nò), ấp Thạnh Thọ - Thạnh Quý, xã Bảo Thạnh	C	UBND huyện	xã Bảo Thạnh	Cấp B	2023-2025		4.900	4.410		4.410	4.400		4.400	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Đường ĐC.03 (từ ĐH.16 đến ĐX.03 và nhánh rẽ đến ĐH.16)), ấp Thạnh Phước, xã Bảo Thạnh	C	UBND huyện	xã Bảo Thạnh	Cấp D	2023-2025		4.000	3.600		3.600	3.600		3.600	
	Xã An Thủy							18.680	16.812		16.812	15.000	7.000	8.000	
1	Đường ĐX.02 (từ ĐX.01 đến Khu 37), xã An Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Thủy	Cấp A	2021-2023	635/QĐ-SGTVT, 11/11/2020; 381/QĐ-SGTVT, 22/7/2021	3.500	3.150		3.150	3.150	2.500	650	
2	Đường ĐX.02 (Đoạn từ Rạch Sân Banh đến giáp ranh xã An Thủy), xã An Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Thủy	Cấp A	2022-2024	412/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	6.480	5.832		5.832	5.832	4.500	1.332	
3	Đường ĐN.01 (Đoạn 1: từ ĐA.01 đến QL 57 C; Đoạn 2: từ đất ông Lưu Văn Téo đến sau Chợ Bãi Ngao); Đường ĐN.02 (từ ĐX.01 đến đê biển)ấp An Lợi - An Thạnh, xã An Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Thủy	Cấp C	2023-2025		2.800	2.520		2.520	2.000		2.000	
4	Đường ĐN.03 (từ đầu HL16 đến đường ĐA.02); Đường ĐN.04 (từ đầu QL57C đến HL.16); Đường ĐN.05 (từ đầu đất ông Lê Văn Khai đến đường ĐX.05) ấp An Bình, xã An Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Thủy	Cấp C	2023-2025		3.900	3.510		3.510	3.000		3.000	
	Nhà văn hóa ấp An Thạnh, An Bình và An Thới, xã An Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Thủy		2023-2025		2.000	1.800		1.800	1.018		1.018	
	Xã Bảo Thuận							19.007	17.106		17.106	15.000	9.400	5.600	
1	Đường ĐX.02 (từ cầu số 1 đến Km 1+000), ấp Thạnh Hải, xã Bảo Thuận	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Bảo Thuận	Cấp B	2021-2023	621/QĐ-SGTVT, 05/11/2020; 375/QĐ-SGTVT, 16/7/2021	2.937	2.643		2.643	2.643	2.100	543	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
2	Đường ĐA.05 (Đoạn từ ĐX.03 đến giáp ranh xã Tân Thủy), xã Bảo Thuận	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Bảo Thuận	Cấp B	2022-2024	395/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	11.470	10.323		10.323	9.800	7.300	2.500	
3	Đường ĐA.10 (từ ĐX.03 đến kênh giáp ranh xã Phước Ngãi), ấp Thạnh Tân	C	UBND huyện Ba Tri	xã Bảo Thuận	Cấp B	2023-2025		2.600	2.340		2.340	2.000		2.000	
	Đường ĐX.02 (từ Km 1+000 đến Rạch đường tắc), xã Bảo Thuận	C	UBND huyện Ba Tri	xã Bảo Thuận	Cấp A	2023-2025		2.000	1.800		1.800	557		557	
	Xã Tân Xuân							19.100	17.190	-	17.190	15.000	6.300	8.700	
1	Đường ĐA.02 (từ Quán Đồng quê đến Km 0+650), xã Tân Xuân	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Xuân	Cấp B	2021-2023	620/QĐ-SGTVT, 05/11/2020; 347/QĐ-SGTVT, 6/7/2021	3.900	3.510		3.510	3.510	2.800	710	
2	Đường ĐA.02 (Đoạn từ Km 0+650 đến giáp xã Tân Mỹ), xã Tân Xuân	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Xuân	Cấp B	2022-2024	402/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	4.900	4.410		4.410	4.410	3.500	910	
3	Đường ĐX.03 (từ ĐT.883 đến ĐX.03), ấp Tân Diễm, xã Tân Xuân	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Xuân	Cấp A	2023-2025		7.800	7.020		7.020	6.000		6.000	
4	Đường ĐX.04 (từ ĐT883 đến ĐX.03), xã Tân Xuân	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Xuân	Cấp A	2023-2025		2.500	2.250		2.250	1.080		1.080	
	Xã Tân Hưng							19.281	17.353	-	17.353	15.000	4.800	10.200	
1	Đường ĐN.04 (từ nhà Tư Bình đến giáp xã Hưng Lễ), xã Tân Hưng	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Hưng	Cấp C	2021-2022	577/QĐ-SGTVT, 13/10/2020; 348/QĐ-SGTVT, 6/7/2021	1.800	1.620		1.620	1.620	1.300	320	
2	Đường ĐA.03 (Đoạn từ ĐN.07 đến giáp xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm); Đường ĐA.04 (Đoạn từ ĐX.07 đến ĐX.08 và nhánh rẽ), xã Tân Hưng	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Hưng	Cấp B	2022-2024	401/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	4.981	4.483		4.483	4.483	3.500	983	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSTW đã bố trí đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Đường ĐX.02 (từ ĐX.01 đến cầu ba Linh), xã Tân Hưng	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Hưng	Cấp A	2023-2025		7.000	6.300		6.300	5.000	5.000		
4	Đường ĐX.01 (từ cầu Kênh Xáng đến giáp xã An Ngãi Tây), xã Tân Hưng	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Hưng	Cấp B	2023-2025		3.000	2.700		2.700	2.000	2.000		
5	Đường ĐN.10 (từ ĐX.01 đến ĐX.04), ấp Tân Khai, xã Tân Hưng	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Hưng	Cấp C	2023-2025		2.500	2.250		2.250	1.897	1.897		
IV	Huyện Giồng Trôm							25.000	22.500		22.500	22.500	4.400	18.100	
	<i>Xã Hưng Phong</i>	C						<i>25.000</i>	<i>22.500</i>	-	<i>22.500</i>	<i>22.500</i>	<i>4.400</i>	<i>18.100</i>	
1	Đường ĐC.02 (liên tổ 2-18 ấp 1) xã Hưng Phong	C	UBND xã Hưng Phong	Xã Hưng Phong	Cấp C	2021-2022	174/QĐ-UBND, 30/9/2020	2.000	1.800		1.800	1.800	1.400	400	
2	Đường ĐC.03 (Đoạn từ nhà Ông Hờ đến nhà Ông Thức), xã Hưng Phong	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Hưng Phong	Cấp C	2022-2024	399/QĐ-SGTVT, 09/6/2022	1.350	1.215		1.215	1.215	1.000	215	
3	Đường ĐC.05, xã Hưng Phong	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Hưng Phong	Cấp C	2022-2024	410/QĐ-SGTVT, 10/6/2022	3.000	2.700		2.700	2.700	2.000	700	
4	Cầu Rạch Thóc, xã Hưng Phong	C	UBND huyện	Xã Hưng Phong		2023-2025		2.150	1.935		1.935	1.935		1.935	
5	Cải tạo Hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ, xã Hưng Phong	C	UBND huyện	Xã Hưng Phong		2023-2025		7.300	6.570		6.570	6.570		6.570	
6	Đường ĐC.01 (đường đê bao quanh cồn Đeo ấp 1), xã Hưng Phong	C	UBND huyện	Xã Hưng Phong		2023-2025		9.200	8.280		8.280	8.280		8.280	
V	Hỗ trợ việc làm bền vững		Sở Lao động thương binh và Xã hội								12.007	12.007	1.041	10.966	

Ghi chú: đối với các công trình chưa có quyết định đầu tư thì tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế là tính toán sơ bộ, sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập BC kinh tế kỹ thuật.